TÊN BÀI DẠY:

BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA SAU NĂM 1975

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh; lớp: 12 Thời gian thực hiện: 03 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

HS khám phá về giá trị lịch sử và nghệ thuật quân sự Việt Nam trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc và cùng quân dân Campuchia chiến thắng chế độ diệt chủng (chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc); chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới.

2. Về năng lực

Nêu được bối cảnh lịch sử, giá trị lịch sử và nghệ thuật quân sự Việt Nam trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc; chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới.

Chủ động thực hiện được trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Về phẩm chất

Tích cực học tập, tìm hiểu và tự hào về giá trị lịch sử và nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.

Luôn biết ơn và trân trọng những cống hiến, hi sinh của thế hệ ông cha trong các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.

Tích cực tham gia các hoạt động tri ân người có công với cách mạng.

Phê phán với những biểu hiện, hành vi bôi nhọ, xuyên tạc lịch sử và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự và phục vụ trong quân đội, công an lâu dài để cống hiến, hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì Chủ nghĩa xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Máy tính, máy chiếu (nếu có); giấy A0, A4 (phiếu học tập).

Tranh, ảnh; video, clip có liên quan đến các cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc; chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Mở đầu

a) Mục tiêu

HS hứng thú và sẵn sàng tìm hiểu kiến thức về các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ

quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa sau năm 1975.

b) Nội dung

HS trả lời câu hỏi: *Sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975), nhân dân ta đã tiến hành những cuộc chiến tranh, chiến đấu và đấu tranh nào để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc?".*

c) Sản phẩm

Sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975), nhân dân ta đã tiến hành các cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc; chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện

– GV nêu câu hỏi.

– GV gọi HS trả lời và từ đó dẫn dắt vào nội dung bài học mới.

Lưu ý: GV có thể sử dụng video, hình ảnh về cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc; chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam. Sau đó, yêu cầu HS nói lên cảm nghĩ của mình hoặc đặt câu hỏi để HS trả lời. Từ đó tạo cảm hứng, dẫn dắt HS khám phá nội dung bài học.

Hoạt động 2 Khám phá

I. CHIẾN TRANH BẢO VỆ BIÊN GIỚI TÂY NAM CỦA TỔ QUỐC VÀ CÙNG QUÂN DÂN CAMPUCHIA CHIẾN THẮNG CHẾ ĐỘ DIỆT CHỦNG

1. Bối cảnh và những nét chính về cuộc chiến tranh

a) Mục tiêu

HS nắm được những nét chính về bối cảnh, diễn biến, kết quả cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi để thực hiện yêu cầu: *Em hãy nêu những tội ác mà tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary đã gây ra cho nhân dân ta và nhân dân Campuchia.*

c) Sản phẩm

Tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary gây xung đột biên giới, đánh chiếm một số đảo, gây nhiều tội ác, xâm phạm nghiêm trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ nước ta như: cướp bóc tài sản, đốt nhà, phá hoại hoa màu, bắt và giết hơn 500 đồng bào ta khi đánh chiếm đảo Thổ Chu, giết hại dã man 578 đồng bào ta khi chúng tiến công trên tuyến biên giới tỉnh An Giang,...

– GV chia lớp thành các nhóm đôi; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để hoàn thành yêu cầu.

– GV gọi HS trả lời, HS nghe, nhận xét và bổ sung.

– GV nhận xét, thống nhất nội dung; định hướng liên hệ các dữ kiện lịch sử để chứng minh cho giá trị lịch sử và nghệ thuật quân sự của cuộc chiến tranh.

2. Giá trị lịch sử

a) Mục tiêu

HS nắm được những giá trị lịch sử của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: *Tại sao nói cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế vô tư, trong sáng, thuỷ chung của nhân dân Việt Nam với nhân dân Campuchia?*

c) Sản phẩm

HS giải thích được lí do cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế vô tư, trong sáng, thuỷ chung của nhân dân Việt Nam với nhân dân Campuchia.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* HS thảo luận nhóm (vận dụng kĩ thuật khăn trải bàn). *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* Đại diện các nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV nhận xét và thống nhất nội dung.	*Khẳng định cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế vô tư, trong sáng, thuỷ chung của nhân dân Việt Nam với nhân dân Campuchia là:* Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Việt Nam và Campuchia đã giúp đỡ lẫn nhau xây dựng lực lượng kháng chiến, thực hiện liên minh chống kẻ thù chung, giành độc lập, tự do cho mỗi nước. Trước thảm hoạ do tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary gây ra, đáp lại lời kêu gọi của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, nhân dân Việt Nam đã cứu giúp đất nước bạn thoát khỏi thảm hoạ diệt chủng, giành lại quyền được sống, quyền làm người và bước vào kỉ nguyên hoà bình, độc lập, xây dựng cuộc sống tươi đẹp.

3. Một số nét chính về nghệ thuật quân sự

a) Mục tiêu

HS nắm được một số nét chính về nghệ thuật quân sự của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: *Trong cuộc chiến*

tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc, ta đã kết hợp chặt chẽ các lực lượng nào để chiến thắng kẻ thù?

c) Sản phẩm

HS nêu được các lực lượng kết hợp chặt chẽ với nhau để giành thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* HS thảo luận nhóm (vận dụng kĩ thuật khăn trải bàn). *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* Đại diện các nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV nhận xét và thống nhất nội dung.	*Các lực lượng kết hợp chặt chẽ với nhau để giành thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc là:* Khi tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary lấn chiếm, tiến công vào lãnh thổ của Tổ quốc, ta đã kết hợp chặt chẽ lực lượng tại chỗ với lực lượng của các binh đoàn chủ lực để ngăn chặn, phản công đánh đuổi kẻ thù ra khỏi bờ cõi. Khi cùng quân dân Campuchia chiến thắng chế độ diệt chủng, quân tình nguyện Việt Nam đã sát cánh cùng với lực lượng cách mạng Campuchia tiến công, xoá bỏ chế độ diệt chủng Pol Pot.

II. CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ BIÊN GIỚI PHÍA BẮC CỦA TỔ QUỐC

1. Bối cảnh và những nét chính của cuộc chiến đấu

a) Mục tiêu

HS nêu được những nét chính về bối cảnh, diễn biến, kết quả cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm và tóm tắt một số nét chính về cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

c) Sản phẩm

HS tóm tắt được một số nét chính về cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* HS thảo luận nhóm và ghi nội dung ra phiếu học tập. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* Đại diện các nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV nhận xét và thống nhất nội dung.	*Một số nét chính về cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc:* Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng gần gũi và có mối quan hệ truyền thống hữu nghị, hợp tác lâu đời. Tuy nhiên, ngày 17/2/1979, chính quyền Trung Quốc phát động chiến tranh xâm lược quy mô lớn sang lãnh thổ Việt Nam; gây nhiều tổn thất về người và tài sản ở một số khu vực các tỉnh dọc biên giới phía Bắc nước ta. Thực hiện quyền tự vệ chính đáng, toàn thể nhân dân ta, trực tiếp là quân và dân các tỉnh biên giới phía Bắc đã chủ động chuẩn bị thế trận, kiên cường chiến đấu ngăn chặn địch, không cho chúng tiến sâu vào nội địa. Ngày 5/3/1979, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra lệnh Tổng động viên trong cả nước đứng lên chống quân xâm lược, bảo vệ Tổ quốc. Trước những đòn giáng trả quyết liệt của quân và dân ta, sự lên án mạnh mẽ của dư luận tiến bộ trên thế giới và ngay trong chính nước họ, ngày 5/3/1979, chính quyền Trung Quốc buộc phải tuyên bố rút quân khỏi lãnh thổ Việt Nam.

2. Giá trị lịch sử

a) Mục tiêu

HS nắm được giá trị lịch sử của cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: *Tại sao nói chiến thắng trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc là biểu hiện sinh động cho ý chí và sức mạnh bền bỉ của nhân dân Việt Nam?*

c) Sản phẩm

HS nêu được lí do khẳng định chiến thắng trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc là biểu hiện sinh động cho ý chí và sức mạnh bền bỉ của nhân dân Việt Nam.

Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* HS thảo luận nhóm và ghi nội dung ra phiếu học tập. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* Đại diện các nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV nhận xét và thống nhất nội dung.	*Khẳng định chiến thắng trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc là biểu hiện sinh động cho ý chí và sức mạnh bền bỉ của nhân dân Việt Nam bởi vì:* Trước khi bước vào cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc không lâu, nước ta trải qua hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, đất nước bị tàn phá nặng nề, nền kinh tế gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, ngay lúc này quân và dân ta đang tập trung mọi nỗ lực cứu giúp nhân dân Campuchia nhằm ngăn chặn chế độ diệt chủng Pol Pot – Ieng Sary quay trở lại.

3. Một số nét chính về nghệ thuật quân sự

a) Mục tiêu

HS nắm được một số nét chính về nghệ thuật quân sự của cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm để thực hiện yêu cầu: *Em hãy cho biết trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc, quân và dân ta đã kết hợp chặt chẽ các mặt đấu tranh nào để giành thắng lợi.*

c) Sản phẩm

HS nêu được các mặt đấu tranh để giành thắng lợi trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* HS thảo luận nhóm và ghi nội dung ra phiếu học tập. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* Đại diện các nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV nhận xét và thống nhất nội dung.	*Các mặt đấu tranh bảo vệ biên giới phía Bắc, quân và dân ta đã kết hợp chặt chẽ các mặt đấu tranh:* Trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc, quân và dân ta đã kết hợp chặt chẽ các mặt đấu tranh quân sự với ngoại giao, binh vận, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ mọi mặt của cộng đồng quốc tế để giành thắng lợi.

III. ĐẤU TRANH BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM SAU NĂM 1975

1. Khái lược về quá trình đấu tranh

a) Mục tiêu

HS hiểu được những nét chính về vùng biển, đảo của Việt Nam; khẳng định chủ

quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; một số hành động vi phạm chủ quyền biển, đảo của các nước đối với Việt Nam.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm để thực hiện yêu cầu: *Em hãy kể tên những quốc gia, vùng lãnh thổ có tuyên bố chủ quyền toàn bộ hoặc một phần quần đảo Trường Sa.*

c) Sản phẩm

HS nêu được tên những quốc gia, vùng lãnh thổ có tuyên bố chủ quyền toàn bộ hoặc một phần quần đảo Trường Sa.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* HS thảo luận nhóm và ghi nội dung ra phiếu học tập. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* Đại diện các nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV nhận xét và thống nhất nội dung.	*Những quốc gia, vùng lãnh thổ có tuyên bố chủ quyền toàn bộ hoặc một phần quần đảo Trường Sa gồm:* Đối với quần đảo Trường Sa, các nước (vùng lãnh thổ) tuyên bố chủ quyền bao gồm: Việt Nam, Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Brunei và Đài Loan (Trung Quốc). Trong đó, Việt Nam có đầy đủ cơ sở pháp lí khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa.

2. Giá trị lịch sử

a) Mục tiêu

HS hiểu được ý nghĩa của cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: *Quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo là gì?*

c) Sản phẩm

HS nêu được quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* HS thảo luận nhóm và ghi nội dung ra phiếu học tập. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* Đại diện các nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV nhận xét và thống nhất nội dung.	*Quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo là:* Kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, lợi ích quốc gia – dân tộc trên biển, trên không và trên bộ; hợp tác quốc tế về biển, đảo; duy trì môi trường hoà bình, ổn định, thúc đẩy quan hệ với các nước. Khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của quốc gia Việt Nam trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc theo Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982; trong đó có chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

3. Một số nét chính về nghệ thuật đấu tranh

a) Mục tiêu

HS hiểu được một số nét chính về nghệ thuật đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: *Tại sao trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo, ta phải huy động sức mạnh tổng hợp của các lực lượng?*

c) Sản phẩm

HS khẳng định được lí do trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo, ta phải huy động sức mạnh tổng hợp của các lực lượng.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* HS thảo luận nhóm và ghi nội dung ra phiếu học tập. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* Đại diện các nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV nhận xét và thống nhất nội dung.	*Trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo, ta phải huy động sức mạnh tổng hợp của các lực lượng là vì:* Phát huy sức mạnh tổng hợp toàn dân, toàn diện để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vừa là nghệ thuật vừa là truyền thống quý báu của nhân dân ta. Trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo, phát huy sức mạnh tổng hợp của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với lực lượng và thế trận an ninh nhân dân trên biển, đảo; trong đó, nòng cốt là lực lượng Hải quân nhân dân Việt Nam sẽ tạo nên sức mạnh to lớn để đánh thắng mọi kẻ thù.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG DÂN, HỌC SINH ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

a) Mục tiêu

HS hiểu được trách nhiệm của công dân, học sinh đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi và ghi nội dung ra phiếu học tập.

c) Sản phẩm

HS nêu được trách nhiệm của công dân, học sinh đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

d) Tổ chức thực hiện

– GV chia lớp thành các nhóm đôi; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

– Gọi HS trình bày, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

– GV nhận xét, thống nhất nội dung.

– GV định hướng suy nghĩ và hành động của HS trong hoạt động thực tiễn cuộc sống.

Hoạt động 3 Luyện tập

a) Mục tiêu

HS củng cố kiến thức đã học về giá trị lịch sử, nghệ thuật quân sự của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

b) Nội dung

HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề cụ thể trong phần luyện tập.

c) Sản phẩm

HS trình bày được những vấn đề cụ thể trong phần luyện tập.

d) Tổ chức thực hiện

1. GV hướng dẫn HS nhớ lại kiến thức đã học về giá trị lịch sử của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc để trả lời câu hỏi.

2. GV hướng dẫn HS nhớ lại kiến thức đã học về nghệ thuật quân sự của chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc để trả lời câu hỏi.

3. GV hướng dẫn HS liên hệ kiến thức đã học để nêu trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng và an ninh; bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Hoạt động 4 Vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học để sưu tầm những tư liệu về cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

HS viết được một bức thư bày tỏ sự biết ơn, trân trọng và ngưỡng mộ, động viên các chiến sĩ Hải quân đang làm nhiệm vụ canh giữ vùng biển, đảo của Tổ quốc.

b) Nội dung

HS thực hiện theo nội dung trong phần vận dụng.

c) Sản phẩm

HS sưu tầm được những tư liệu về cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

HS viết được một bức thư gửi các chiến sĩ Hải quân đang làm nhiệm vụ canh giữ vùng biển, đảo của Tổ quốc.

d) Tổ chức thực hiện

1. GV hướng dẫn HS tìm hiểu những tư liệu về cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc; viết rõ nội dung kết hợp với hình ảnh, video minh hoạ và chia sẻ với mọi người về sản phẩm đó như là:

Di tích lịch sử Nhà mồ Ba Chúc ở thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nói lên những đau thương, mất mát của hơn 3 000 đồng bào ta bị tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary sát hại;

Khu tưởng niệm chiến sĩ Gạc Ma ở xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà, lưu giữ những hiện vật lịch sử về quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các chiến sĩ Gạc Ma trong trận chiến anh hùng ngày 14/3/1988;

Khu di tích lịch sử quốc gia Pò Hèn ở xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, nơi tưởng niệm các Anh hùng, Liệt sĩ đã hi sinh trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

2. GV định hướng cho HS chuẩn bị nội dung, viết ra vở hoặc đánh máy khoảng 250 từ, quy định thời gian nộp bài; chấm bài, nhận xét kết quả đạt được trong tiết học tiếp theo. Nếu có điều kiện, GV có thể lựa chọn một số bức thư có chất lượng tốt đọc trước lớp và gửi cho cán bộ, chiến sĩ Hải quân đang làm nhiệm vụ canh giữ vùng biển, đảo của Tổ quốc.

Trường: .....

Tổ: .....

TÊN BÀI DẠY:
TỔ CHỨC QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh; lớp: 12 Thời gian thực hiện: 03 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

HS khám phá về chức năng, nhiệm vụ chính một số tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam; quân hiệu, cấp bậc quân hàm, phù hiệu và trang phục các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và các lực lượng chuyên môn của Công an nhân dân Việt Nam.

2. Về năng lực

Nêu được chức năng, nhiệm vụ chính của một số tổ chức trong Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam.

Nhận biết được quân hiệu, cấp bậc quân hàm, phù hiệu, trang phục các quân, binh chủng của Quân đội nhân dân Việt Nam và các lực lượng chuyên môn của Công an nhân dân Việt Nam.

3. Về phẩm chất

Tích cực tìm hiểu về quân hiệu, cấp bậc quân hàm, phù hiệu và trang phục của các quân, binh chủng của Quân đội nhân dân Việt Nam và các lực lượng chuyên môn của Công an nhân dân Việt Nam.

Biết ơn và khâm phục những đóng góp, cống hiến, hi sinh của các tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ.

Sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự và phục vụ trong quân đội, công an lâu dài để cống hiến, hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì Chủ nghĩa xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Máy tính, máy chiếu (nếu có); giấy A0, A4 (phiếu học tập).

Tranh, ảnh về quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, trang phục một số quân chủng, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; công an hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, trang phục một số lực lượng trong Công an nhân dân Việt Nam.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Mở đầu

a) Mục tiêu

HS hứng thú và sẵn sàng tìm hiểu kiến thức về cấp hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam ở bài học mới.

b) Nội dung

HS quan sát hình 2.1 trong SGK (hoặc trên slide) để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm

– Hình 2.1a thể hiện cấp hiệu (thượng tá) trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Trên cấp hiệu có 2 gạch ngang, 3 sao.

– Hình 2.1b thể hiện cấp hiệu (thượng tá) trong Công an nhân dân Việt Nam. Trên cấp hiệu có 2 vạch dọc màu vàng, 3 sao.

d) Tổ chức thực hiện

– GV hướng dẫn HS quan sát hình 2.1 trong SGK (hoặc chiếu lên slide); gợi ý và đặt câu hỏi đối với HS.

– GV gọi HS trả lời và từ đó dẫn dắt vào nội dung bài học mới.

Hoạt động 2 Khám phá

I. QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Chức năng, nhiệm vụ chính của một số tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam

a) Mục tiêu

HS nêu được chức năng, nhiệm vụ chính của quân khu, quân đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi để thực hiện yêu cầu: *Em hãy chia sẻ hiểu biết của mình về chức năng, nhiệm vụ chính của quân khu, quân đoàn.*

c) Sản phẩm

Quân khu: Chỉ đạo công tác quốc phòng và xây dựng tiềm lực quân sự trong thời bình; chỉ đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang địa phương trong thời chiến để bảo vệ lãnh thổ quân khu.

Quân đoàn: Đơn vị cơ động lớn nhất của Lục quân, có nhiệm vụ bảo vệ các địa bàn chiến lược trọng yếu của quốc gia.

d) Tổ chức thực hiện

– GV chia lớp thành các nhóm đôi; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

– Theo dõi, giúp đỡ HS thảo luận nhóm.

– GV gọi HS trình bày; thảo luận, nhận xét và thống nhất về chức năng, nhiệm vụ chính của quân khu, quân đoàn.

– GV định hướng HS tìm hiểu kiến thức ở mục: Em có biết? và liên hệ với thực tiễn của các tổ chức đó trong cuộc sống.

2. Quân hiệu, cấp bậc quân hàm, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục Quân đội nhân dân Việt Nam

a) Mục tiêu

HS nhận biết được quân hiệu Quân đội nhân dân Việt Nam; cấp bậc quân hàm, cấp hiệu của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan – binh sĩ trong Quân đội nhân dân Việt Nam; phù hiệu, trang phục của các quân chủng, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát các hình 2.2 − 2.7 trong SGK và thảo luận nhóm.

c) Sản phẩm

HS nêu được cách nhận biết về quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành nhóm; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK; giao nhiệm vụ cho từng nhóm: Nhóm 1: Tìm hiểu về quân hiệu. Nhóm 2: Tìm hiểu về cấp bậc quân hàm, cấp hiệu. Nhóm 3: Tìm hiểu về phù hiệu. Nhóm 4: Tìm hiểu về trang phục. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* – HS thảo luận nhóm (nhóm chuyên gia) và vận dụng kĩ thuật khăn trải bàn hoặc ghi nội dung ra phiếu học tập, vẽ sơ đồ tư duy; thảo luận nhóm mảnh ghép. – GV theo dõi, điều hành và giúp đỡ HS thảo luận. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* GV chiếu các hình ảnh lên slide và gọi HS trả lời để kiểm tra, đánh giá kết quả thảo luận nhóm.	– *Quân hiệu* Quân hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam có dạng hình tròn, nền màu đỏ tươi, vành khăn ngoài màu vàng, ở giữa có ngôi sao năm cánh nổi màu vàng, xung quanh có hai bông lúa màu vàng, phía dưới hai bông lúa là hình nửa bánh xe răng lịch sử màu vàng. Quân hiệu có ba loại kích thước: Đường kính 41 mm, 36 mm và 33 mm. Quân hiệu có đường kính 41 mm và 36 mm dập liền với cành tùng kép màu vàng. – *Cấp bậc quân hàm, cấp hiệu* + Cấp hiệu của sĩ quan Nền cấp hiệu: màu vàng, riêng Bộ đội Biên phòng màu xanh lá cây, Cảnh sát biển màu xanh dương. Đường viền cấp hiệu: Lục quân, Bộ đội Biên phòng màu đỏ tươi, Phòng không – Không quân màu xanh hoà bình, Hải quân màu tím than, Cảnh sát biển màu vàng. Cấp hiệu của cấp tướng không có gạch ngang, cấp tá có 02 gạch ngang, cấp uý có 01 gạch ngang, số lượng sao: Thiếu uý, Thiếu tá, Thiếu tướng, Chuẩn Đô đốc Hải quân: 01 sao; Trung uý, Trung tá, Trung tướng, Phó Đô đốc Hải quân: 02 sao; Thượng uý, Thượng tá, Thượng tướng, Đô đốc Hải quân: 03 sao; Đại uý, Đại tá, Đại tướng: 04 sao. + Cấp hiệu của hạ sĩ quan – binh sĩ

Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**

Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và thống nhất về cách nhận biết quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục các quân, binh chủng trong quân đội.	Nền cấp hiệu màu be (màu nâu nhạt tự nhiên, màu nâu vàng nhạt tựa như màu cát), riêng Bộ đội Biên phòng màu xanh lá cây, Cảnh sát biển màu xanh dương. Đường viền cấp hiệu: Lục quân, Bộ đội Biên phòng màu đỏ tươi, Phòng không − Không quân màu xanh hoà bình, Hải quân màu tím than, Cảnh sát biển màu vàng. Binh nhì: 01 vạch (<); Binh nhất: 02 vạch (<<); Hạ sĩ: 01 vạch (|); Trung sĩ: 02 vạch (||); Thượng sĩ: 03 vạch (|||). – *Phù hiệu* + Nền phù hiệu: Lục quân màu đỏ tươi, Bộ đội Biên phòng màu xanh lá cây, Phòng không – Không quân màu xanh hoà bình, Hải quân màu tím than, Cảnh sát biển màu xanh dương. + Hình phù hiệu có màu vàng: Binh chủng hợp thành – Bộ binh: Hình thanh kiếm và khẩu súng đặt chéo. Phòng không – Không quân: Hình sao trên đôi cánh chim. Hải quân: Hình mỏ neo. Bộ đội Biên phòng: Hình thanh kiếm và khẩu súng đặt chéo, trên vòng tròn không khép kín, trên hình vòng cung có kí hiệu đường biên giới Quốc gia. Cảnh sát biển: Hình khiên, có hai thanh kiếm vắt chéo phía sau, bên trong có hình mỏ neo, phía dưới có hình bông lúa màu vàng, phía trên có hình ngôi sao năm cánh màu vàng. Pháo binh: Hình hai nòng súng thần công đặt chéo. Công binh: Hình cuốc, xẻng trên nửa bánh xe răng. Thông tin: Hình sóng điện. Hoá học: Hình tia phóng xạ trên hình nhân benzene. Đặc công: Hình dao găm đặt trên khối bộc phá, dưới có mũi tên vòng. Tăng – Thiết giáp: Hình xe tăng. – *Trang phục* Trang phục của Lục quân và Bộ đội Biên phòng màu xanh lá cây; Phòng không – Không quân màu xanh đậm (áo sơ mi ngắn tay có màu xanh hoà bình); Hải quân màu tím than (áo sơ mi ngắn tay màu trắng).

II. CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Chức năng, nhiệm vụ chính của một số tổ chức trong Công an nhân dân Việt Nam

a) Mục tiêu

HS nêu được chức năng, nhiệm vụ chính của công an cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm cặp đôi để thực hiện yêu cầu: *Em hãy nêu chức năng, nhiệm vụ chính của công an cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.*

c) Sản phẩm

Công an cấp tỉnh, cấp huyện: Tham mưu với cơ quan công an cấp trên, cấp uỷ, Uỷ ban nhân dân và quản lí nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; trực tiếp đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm và các vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Công an cấp xã: Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật; làm nòng cốt trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa bàn xã, thị trấn.

d) Tổ chức thực hiện

– GV chia lớp thành các nhóm đôi; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

– Theo dõi, giúp đỡ HS thảo luận nhóm.

– GV gọi HS trình bày; thảo luận, nhận xét và thống nhất về chức năng, nhiệm vụ chính của công an cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

– GV định hướng HS liên hệ với thực tiễn chức trách, nhiệm vụ của công an cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trong cuộc sống.

2. Công an hiệu, cấp bậc hàm, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục Công an nhân dân Việt Nam

a) Mục tiêu

HS nhận biết được công an hiệu Công an nhân dân Việt Nam; cấp bậc hàm, cấp hiệu của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong Công an nhân dân Việt Nam; phù hiệu và trang phục các lực lượng trong Công an nhân dân Việt Nam.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát các hình 2.8 − 2.11 trong SGK và thảo luận nhóm.

c) Sản phẩm

HS nêu được cách nhận biết về công an hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục các lực lượng trong Công an nhân dân Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành nhóm; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK; giao nhiệm vụ cho từng nhóm: Nhóm 1: Tìm hiểu về công an hiệu, phù hiệu. Nhóm 2: Tìm hiểu về cấp bậc hàm, cấp hiệu. Nhóm 3: Tìm hiểu về trang phục. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* – HS thảo luận nhóm (nhóm chuyên gia) và vận dụng kĩ thuật khăn trải bàn hoặc ghi nội dung ra phiếu học tập, vẽ sơ đồ tư duy; thảo luận nhóm mảnh ghép. – GV theo dõi, điều hành và giúp đỡ HS thảo luận. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* GV chiếu các hình ảnh lên slide và gọi HS trả lời để kiểm tra, đánh giá kết quả thảo luận nhóm. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV nhận xét và thống nhất về cách nhận biết công an hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục các lực lượng công an.	– *Công an hiệu* Công an hiệu có dạng hình tròn, đường kính 36 mm, ở giữa có ngôi sao năm cánh màu vàng nổi trên nền đỏ tươi, vành khăn trong và ngoài màu vàng, giữa hai vành khăn ở hai bên có hai bông lúa màu vàng nổi trên nền xanh lục thẫm, phía dưới ngôi sao có hình nửa bánh xe, giữa nửa bánh xe có chữ lồng "CA", bánh xe và chữ"CA" màu vàng, bên ngoài Công an hiệu được dập liền với cành tùng kép màu vàng. – *Phù hiệu* Phù hiệu Công an nhân dân có nền màu đỏ, giữa nền phù hiệu gắn công an hiệu đường kính 18 mm. Riêng cấp tướng, phù hiệu có viền ba cạnh màu vàng. – *Cấp bậc hàm, cấp hiệu* + Cấp hiệu của sĩ quan Nền cấp hiệu bằng vải, màu đỏ. Cấp tướng có viền màu vàng. Cấp tá, cấp uý: có viền màu xanh, giữa nền cấp hiệu có vạch rộng 6 mm chạy dọc theo nền cấp hiệu; cấp tá hai vạch, cấp uý một vạch; vạch của sĩ quan nghiệp vụ màu vàng, sĩ quan chuyên môn kĩ thuật màu xanh thẫm. Số lượng và cách bố trí như sau: Thiếu uý, Thiếu tá, Thiếu tướng: 1 sao. Trung uý, Trung tá, Trung tướng: 2 sao. Thượng uý, Thượng tá, Thượng tướng: 3 sao. Đại uý, Đại tá, Đại tướng: 4 sao. + Cấp hiệu của hạ sĩ quan, chiến sĩ Nền cấp hiệu và cúc cấp hiệu của hạ sĩ quan, chiến sĩ giống nền và cúc cấp hiệu của sĩ quan cấp uý. Vạch bằng vải, rộng 6 mm gắn ở cuối nền cấp hiệu. Hạ sĩ quan nghiệp vụ và hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn vạch màu vàng; hạ sĩ quan chuyên môn kĩ thuật vạch màu xanh thẫm. Số lượng vạch: Hạ sĩ: 1 vạch (|) Trung sĩ: 2 vạch (||) Thượng sĩ: 3 vạch (|||)
Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**

	Binh nhì: 1 vạch (<) Binh nhất: 2 vạch (<<) – *Trang phục* + Trang phục An ninh nhân dân: Trang phục xuân − hạ có áo sơ mi màu cỏ úa tay ngắn, quần âu màu rêu sẫm. Trang phục thu − đông có áo vét ngoài màu rêu sẫm, áo sơ mi trắng bên trong, quần màu rêu sẫm. + Trang phục Cảnh sát nhân dân: Cả áo và quần đều có màu mạ non, áo sơ mi bên trong màu trắng. + Trang phục Cảnh sát giao thông: Cả áo và quần đều có màu vàng da. + Trang phục Cảnh sát cơ động: có màu đen, đối với cảnh sát đặc nhiệm thì có hàng chữ Police màu trắng trên nền đen dọc trước ngực và ngang trên lưng áo; đối với cảnh sát cơ động bình thường thì có dòng chữ CSCĐ màu đỏ nền vàng phản quang dọc trước ngực và ngang trên lưng áo. + Trang phục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: có màu xanh dương thẫm và có dây phản quang 5 cm ở tay và hông, trước và sau.

Hoạt động 3 Luyện tập

a) Mục tiêu

HS củng cố kiến thức đã học về chức năng, nhiệm vụ một số tổ chức và cấp hiệu, trang phục trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam.

b) Nội dung

HS giải quyết các tình huống trong phần luyện tập.

c) Sản phẩm

1. HS nêu được một số tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Quân nhân ở các tình huống cụ thể là:

a) Quân nhân là sĩ quan Lục quân, có cấp bậc đại uý.

b) Quân nhân là sĩ quan bộ đội Biên phòng, có cấp bậc trung tá.

c) Quân nhân là sĩ quan quân chủng Hải quân, có cấp bậc thượng uý.

d) Quân nhân là quân nhân chuyên nghiệp quân chủng Phòng không – Không quân, có cấp bậc thiếu uý.

3. Sự giống và khác nhau cấp bậc hàm, cấp hiệu của sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ và sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kĩ thuật:

– *Giống nhau:*

Cấp bậc hàm: Cấp bậc hàm của sĩ quan đều có cấp uý, cấp tá; hạ sĩ quan đều có ba bậc (Hạ sĩ, trung sĩ, thượng sĩ).

Cấp hiệu: giống nhau về nền, đường viền cấp hiệu; sao và cúc cấp hiệu.

– *Khác nhau:*

Cấp bậc hàm: Sĩ quan nghiệp vụ có 3 cấp, 12 bậc; sĩ quan chuyên môn kĩ thuật có 2 cấp (cấp uý, cấp tá), 7 bậc (không có đại tá).

Cấp hiệu: Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ có vạch màu vàng; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kĩ thuật vạch màu xanh thẫm.

d) Tổ chức thực hiện

1. GV hướng dẫn HS nhớ lại kiến thức đã học ở điểm 1, 2 mục I và mục Em có biết ở trang 12, 13 trong SGK để trả lời câu hỏi.

2. GV hướng dẫn HS nhớ lại kiến thức đã học về cấp hiệu, trang phục của Quân đội nhân dân Việt Nam để trả lời câu hỏi.

3. GV hướng dẫ HS nhớ lại kiến thức đã học về cấp bậc hàm, cấp hiệu của sĩ quan Công an nhân dân để thực hiện sự so sánh điểm giống và khác nhau.

Hoạt động 4 Vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ của một tổ chức trong quân đội hoặc công an tại địa phương.

b) Nội dung

HS tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ của một số tổ chức trong quân đội hoặc công an nhân dân ở địa phương.

c) Sản phẩm

HS nêu được chức năng, nhiệm vụ của một số tổ chức trong quân đội hoặc công an nhân dân ở địa phương như: Ban chỉ huy quân sự huyện, Ban chỉ huy quân sự xã; Công an huyện, Công an xã,...

d) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS tìm hiểu có tổ chức nào của quân đội hoặc công an ở địa phương mình, nhiệm vụ chính của tổ chức đó là gì. Chuẩn bị nội dung ra giấy và quy định thời gian báo cáo.

TÊN BÀI DẠY:

CÔNG TÁC TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO

TRONG CÁC TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh; lớp: 12

Thời gian thực hiện: 03 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

HS nêu được hệ thống nhà trường trong quân đội, công an và công tác tuyển sinh, đào tạo của các trường quân đội, công an. Cụ thể:

– Một số vấn đề chung về công tác tuyển sinh, đào tạo trong các trường quân đội, công an nhân dân Việt Nam.

– Công tác tuyển sinh, đào tạo trong các trường quân đội nhân dân Việt Nam.

+ Hệ thống nhà trường quân đội

+ Công tác tuyển sinh và đào tạo

– Công tác tuyển sinh, đào tạo trong các trường công an nhân dân Việt Nam.

+ Hệ thống nhà trường công an

+ Công tác tuyển sinh và đào tạo

– Trách nhiệm của gia đình, nhà trường và cơ quan tuyển sinh trong định hướng nghề nghiệp quân sự, công an nhân dân

2. Về năng lực

Nắm được hệ thống nhà trường trong quân đội, công an và công tác tuyển sinh, đào tạo của các trường quân đội, công an.

3. Về phẩm chất

Nắm được công tác tuyển sinh, đào tạo trong các trường quân đội, công an.

Tìm hiểu được các lĩnh vực nghề nghiệp theo nhóm ngành; để theo học các ngành, nghề trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Máy tính, máy chiếu (nếu có); Giấy A0, A4.

Giáo án; Những điều cần biết về tuyển sinh vào đào tạo đại học,... trong quân đội (ban hành mới nhất); Thông tin cần biết về tuyển sinh vào các trường công an nhân dân (ban hành mới nhất); Các Thông tư về tuyển sinh vào các trường quân đội, công an hiện hành; Các hình ảnh minh hoạ hoặc video có liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

Tạo hứng thú cho HS vào bài học và hướng HS tìm hiểu hệ thống nhà trường trong quân đội, công an nhân dân và tuyển sinh vào các trường quân đội, công an; định hướng được nghề nghiệp quân sự, công an,...

b) Nội dung

HS thực hiện yêu cầu: *Em hãy quan sát và cho biết hình 3.1 thể hiện hoạt động*

gì.
Thời gian nào trong năm thường diễn ra hoạt động đó?

c) Sản phẩm

Tạo hứng thú cho HS tiếp cận nội dung bài học.

Tuyên truyền những hình ảnh đẹp trong công tác tuyển sinh vào các trường quân đội, công an.

d) Tổ chức thực hiện

GV cho HS quan sát hình, nêu câu hỏi, gọi HS trả lời, sau đó dẫn dắt vào bài học.

Hoạt động 2: Khám phá

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO TRONG CÁC TRƯỜNG QUÂN ĐỘI, CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

a) Mục tiêu

HS nắm được những nội dung cơ bản nhất về công tác tuyển sinh, đào tạo trong các trường Quân đội, Công an nhân dân Việt Nam.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, làm việc theo nhóm để hoàn thành những nội dung theo bảng gợi ý trong SGK.

c) Sản phẩm

HS trình bày được những nội dung cơ bản về công tác tuyển sinh, đào tạo trong các trường Quân đội, Công an nhân dân Việt Nam *(ở cột yêu cầu cần đạt).*

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia nhóm theo cặp đôi và giao nhiệm vụ cho HS. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* HS thảo luận cặp đôi; GV theo dõi, giúp đỡ. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* GV yêu cầu HS trình bày về công tác tuyển sinh đào tạo quyền lợi và nghĩa vụ của học viên trong các trường quân đội, công an. các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của HS, thống nhất nội dung câu hỏi.	– Các trường Quân đội, Công an nhân dân Việt Nam thực hiện tuyển sinh, đào tạo theo quy chế và hướng dẫn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo hướng dẫn hằng năm về công tác tuyển sinh quân sự của Bộ Quốc phòng và công tác tuyển sinh công an nhân dân của Bộ Công an. – Lựa chọn những công dân tự nguyện và có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, văn hoá, sức khoẻ và độ tuổi theo quy định vào đào tạo trong các trường quân đội, công an. Đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng quân đội, công an và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. – Tổ chức tuyển sinh công khai, minh bạch, nghiêm cấm mọi hành vi sách nhiễu, gây phiền hà cho người dự tuyển. Tuyển sinh đủ số lượng, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực gắn với phát hiện nhân tài và quy hoạch đội ngũ cán bộ; đào tạo gắn với địa chỉ và nhu cầu sử dụng, bảo đảm cơ cấu vùng, miền, ngành nghề phù hợp với trình độ đào tạo; chú trọng diện cử tuyển các đối tượng chính sách, vùng sâu, vùng xa,vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Nhà nước. – Quyền lợi của học viên trong các trường quân đội, công an: Thí sinh trúng tuyển vào các trường quân đội, công an được bảo đảm các chế độ, tiêu chuẩn về ăn, ở, mặc, phụ cấp hằng tháng, không phải đóng học phí; các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng phục vụ học tập. Thân nhân của học viên (bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi hợp pháp) nếu chưa có bảo hiểm y tế sẽ được nhà trường đăng kí mua bảo hiểm ngay khi vào học. Học viên được nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ hè, nghỉ Tết theo quy định,… Học viên xếp loại học tập xuất sắc, giỏi, có thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện sẽ được hưởng các chế độ khen thưởng theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Khi tốt nghiệp, học viên được cấp văn bằng tốt nghiệp thuộc hệ thống văn bằng quốc gia; được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phong quân hàm sĩ quan và phân công công tác. – Nghĩa vụ của học viên trong các trường quân đội, công an: Học viên phải nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kỉ luật của quân đội, kỉ luật công an nhân dân và các quy định của nhà trường. Học viên khi ra trường sẵn sàng nhận nhiệm vụ theo phân công của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

II. CÔNG TÁC TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO TRONG CÁC TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Hệ thống nhà trường quân đội

a) Mục tiêu

Nắm được các nhà trường trong quân đội để HS nghiên cứu, lựa chọn theo học cho phù hợp.

b) Nội dung

HS xem đoạn phim hoặc đọc thông tin trong SGK, làm việc theo nhóm chuẩn bị nội dung theo câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm

HS biết được các nhà trường trong quân đội *(ở cột yêu cầu cần đạt).*

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm theo và giao nhiệm vụ cho HS. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* HS thảo luận cặp đôi; GV theo dõi, giúp đỡ. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* GV yêu cầu HS nêu các học viện, trường sĩ quan (đại học) có tuyển sinh thí sinh từ HS phổ thông; các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của HS, thống nhất nội dung câu hỏi.	Các học viện, trường sĩ quan (đại học) có tuyển sinh thí sinh từ HS phổ thông gồm: Học viện Kĩ thuật Quân sự (Đại học Kĩ thuật Lê Quý Đôn); Học viện Quân y (Trường Đại học Y – Dược Lê Hữu Trác); Học viện Hậu cần ; Học viện Khoa học Quân sự; Học viện Biên phòng; Học viện Phòng không – Không quân; Học viện Hải quân; Trường Sĩ quan Lục quân 1 (Trường Đại học Trần Quốc Tuấn); Trường Sĩ quan Lục quân 2 (Trường Đại học Nguyễn Huệ); Trường Sĩ quan Chính trị (Trường Đại học Chính trị); Trường Sĩ quan Thông tin (Trường Đại học Thông tin Liên lạc); Trường Sĩ quan Công binh (Trường Đại học Ngô Quyền); Trường Sĩ quan Pháo binh; Trường Sĩ quan Phòng hoá; Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp; Trường Sĩ quan Không quân; Trường Sĩ quan Đặc công; Trường Đại học Văn hoá – Nghệ thuật Quân đội.

2. Công tác tuyển sinh và đào tạo

* ***Một số nội dung cơ bản về công tác tuyển sinh***

a) Mục tiêu

Nắm được một số nội dung cơ bản về công tác tuyển sinh trong các trường quân đội để HS nghiên cứu, tham gia hoặc hướng dẫn bạn bè, người thân tham gia thi tuyển sinh quân sự.

b) Nội dung

HS xem đoạn phim hoặc đọc thông tin trong SGK, làm việc theo nhóm chuẩn bị nội dung theo câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm

HS nắm được những nội dung chính về công tác tuyển sinh trong các trường quân đội
(ở cột yêu cầu cần đạt).

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho HS. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* HS thảo luận cặp đôi; GV theo dõi, giúp đỡ. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* GV yêu cầu HS trình bày đối tượng; nội dung đăng kí sơ tuyển; phương thức tuyển sinh trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của HS, thống nhất nội dung câu hỏi.	– Đối tượng tuyển sinh: Thanh niên ngoài quân đội; Hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ quân sự, có thời gian phục vụ tại ngũ đủ 12 tháng trở lên (tính đến tháng 4 năm tuyển sinh); quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng phục vụ trong quân đội đủ 12 tháng trở lên (tính đến tháng 9 năm tuyển sinh). – Đăng kí sơ tuyển: Tất cả thí sinh dự tuyển vào các trường trong quân đội đều phải qua sơ tuyển, bảo đảm đủ tiêu chuẩn về chính trị, văn hoá, độ tuổi, sức khoẻ theo quy định của Bộ Quốc phòng. Thí sinh là thanh niên ngoài quân đội mua hồ sơ đăng kí sơ tuyển tại Ban Tuyển sinh quân sự cấp huyện (nơi thí sinh đăng kí hộ khẩu thường trú). Thời gian đăng kí sơ tuyển và thời gian khám sức khoẻ theo quy định của Bộ Quốc phòng. – Phương thức tuyển sinh: Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Quốc phòng; Phương thức 2: Xét tuyển từ kết quả kì thi đánh giá năng lực do một số trường đại học trong nước tổ chức; Phương thức 3: Xét tuyển từ kết quả kì thi đánh giá năng lực do Bộ Quốc phòng tổ chức; Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông Quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; Phương thức 5: Xét tuyển dựa vào học bạ cấp Trung học phổ thông. Hằng năm, căn cứ thực tiễn công tác tuyển sinh để Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng xác định tỉ lệ xét tuyển theo từng phương thức tăng hoặc giảm cho phù hợp với đối tượng và chương trình đào tạo của từng trường. Trường hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo không tổ chức kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông Quốc gia hoặc kì thi đó không còn mục đích để xét tuyển đại học thì sẽ tăng chỉ tiêu xét tuyển của các phương thức tuyển sinh khác cho phù hợp với quy định hiện hành.

* ***Một số nội dung cơ bản về công tác đào tạo***

a) Mục tiêu

Nắm được một số nội dung cơ bản về công tác đào tạo trong các trường quân đội để HS nghiên cứu, tham gia hoặc hướng dẫn bạn bè, người thân tham gia thi tuyển sinh quân sự.

b) Nội dung

HS xem đoạn phim hoặc đọc thông tin trong SGK, làm việc theo nhóm chuẩn bị nội dung theo câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm

HS nắm được những nội dung chính về công tác đào tạo trong các trường quân đội *(ở cột yêu cầu cần đạt)*.

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* *HS thảo luận cặp đôi; GV theo dõi, giúp đỡ.* *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Học viên học tập trong các trường quân đội được trang bị những kiến thức cơ bản nào? Trình bày các ngành, chuyên ngành đào tạo của Học viện Kĩ thuật Quân sự; Học viện Quân y; Học viện Hậu cần; Học viện Khoa học Quân sự; Học viện Biên phòng; Học viện Phòng không – Không quân; Học viện Hải quân; Trường Sĩ quan Lục quân 1, Trường Sĩ quan Lục quân 2; Trường Sĩ quan Chính trị; Trường Sĩ quan Thông tin; Trường Sĩ quan Công binh; Trường Sĩ quan Pháo binh; Trường Sĩ quan Phòng hoá; Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp; Trường Sĩ quan Không quân; Trường Sĩ quan Đặc công; các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của HS, thống nhất nội dung câu hỏi.	– Các trường quân đội tổ chức tuyển sinh, đào tạo theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Bộ Quốc phòng. Học viên học tập trong các trường quân đội được trang bị những kiến thức cơ bản về lí luận chính trị, điều lệnh, kĩ thuật, chiến thuật, bắn súng, thể lực,... – Học viện Kĩ thuật Quân sự đào tạo cán bộ kĩ thuật, Chỉ huy – Tham mưu kĩ thuật các ngành, chuyên ngành: Công nghệ kĩ thuật hoá học, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Khoa học máy tính, Kĩ thuật phần mềm,...;Học viện Quân y đào tạo sĩ quan các chuyên ngành: Y khoa, Y học dự phòng; Học viện Hậu cần đào tạo sĩ quan các chuyên ngành Hậu cần quân sự; Học viện Khoa học Quân sự đào tạo sĩ quan các ngành: Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Quan hệ quốc tế, Việt Nam học, Tình báo quân sự; Học viện Biên phòng đào tạo sĩ quan các chuyên ngành: Quản lí biên giới, Chỉ huy trinh sát, Phòng chống ma tuý và tội phạm, Chỉ huy cửa khẩu, Luật,...; Học viện Phòng không – Không quân đào tạo sĩ quan các chuyên ngành: Kĩ thuật hàng không, Thiết bị hàng không, Vô tuyến điện tử, Vũ khí hàng không, Chỉ huy tham mưu không quân, Tác huấn không quân, Dẫn đường không quân,...;Học viện Hải quân đào tạo sĩ quan các chuyên ngành: Chỉ huy – Tham mưu Hải quân, Kĩ thuật điện, Công nghệ kĩ thuật điện tử – viễn thông, Công nghệ kĩ thuật điều khiển và tự động hoá, Khoa học hàng hải, Kĩ thuật cơ khí động lực,…;Trường Sĩ quan Chính trị đào tạo sĩ quan chính trị các ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, Triết học, Lịch sử, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tâm lí học, Giáo dục học,...;Trường Sĩ quan Thông tin đào tạo sĩ quan các chuyên ngành: Chỉ huy – Tham mưu Thông tin, Thông tin Lục quân, Thông tin Hải quân, Thông tin Phòng không – Không quân, Chỉ huy tham mưu Tác chiến không gian mạng; Trường Sĩ quan Công binh đào tạo sĩ quan các chuyên ngành: Chỉ huy Kĩ thuật công binh, Công trình, Cầu đường, Vượt sông, Xe máy; Trường Sĩ quan Pháo binh đào tạo sĩ quan các chuyên ngành Chỉ huy – Tham mưu Pháo binh; Trường Sĩ quan Phòng hoá đào tạo sĩ quan Chỉ huy Kĩ thuật hoá học; Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp đào tạo sĩ quan các chuyên ngành: Chỉ huy – Tham mưu Tăng thiết giáp, Chỉ huy Kĩ thuật Tăng thiết giáp; Trường Sĩ quan Không quân đào tạo sĩ quan các chuyên ngành: Chỉ huy – Tham mưu Không quân, Phi công phản lực, Phi công vận tải, Phi công trực thăng; Trường Sĩ quan Đặc công đào tạo sĩ quan các chuyên ngành: Đặc công Bộ, Đặc công Nước, Đặc công Biệt động.

III. CÔNG TÁC TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO TRONG CÁC TRƯỜNG CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Hệ thống nhà trường công an

a) Mục tiêu

Nắm được các nhà trường trong công an để HS nghiên cứu lựa chọn theo học các trường cho phù hợp.

b) Nội dung

HS xem đoạn phim hoặc đọc thông tin trong SGK, làm việc theo nhóm chuẩn bị nội dung theo câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm

HS nắm được các nhà trường trong công an *(ở cột yêu cầu cần đạt).*

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm theo cặp đôi và giao nhiệm vụ cho HS. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* HS thảo luận cặp đôi; GV theo dõi, giúp đỡ. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* GV yêu cầu HS nêu các học viện, trường đại học, cao đẳng trong công an nhân dân,…; các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của HS, thống nhất nội dung câu hỏi.	– Các học viện: Học viện An ninh nhân dân, Học viện Cảnh sát nhân dân, Học viện Chính trị Công an nhân dân và Học viện Quốc tế. Các trường đại học: Trường Đại học An ninh nhân dân, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy, Trường Đại học Kĩ thuật − Hậu cần Công an nhân dân. – Một số trường cao đẳng trong công an: Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I, Trường Cao đẳng An ninh nhân dân II; Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I, Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II,…

2. Công tác tuyển sinh và đào tạo

* ***Một số nội dung cơ bản về công tác tuyển sinh***

a) Mục tiêu

Nắm được một số nội dung cơ bản về công tác tuyển sinh trong các trường công an để HS nghiên cứu tham gia hoặc hướng dẫn bạn bè, người thân tham gia thi tuyển sinh vào các trường công an nhân dân.

b) Nội dung

HS xem đoạn phim hoặc đọc thông tin trong SGK, làm việc theo nhóm chuẩn bị nội dung theo câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm

HS nắm được những nội dung chính về công tác tuyển sinh trong các trường quân đội

(ở cột yêu cầu cần đạt).

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm theo cặp đôi và giao nhiệm vụ cho HS. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* HS thảo luận cặp đôi; Gv theo dõi, giúp đỡ. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* GV yêu cầu HS trình bày đối tượng; nội dung đăng kí sơ tuyển; phương thức tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy; các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của HS, thống nhất nội dung câu hỏi.	– Đối tượng tuyển sinh: Công dân thường trú tại địa phương nơi đăng kí sơ tuyển; học sinh Trường Văn hoá (T11) và một số đối tượng khác (chiến sĩ nghĩa vụ công an tại ngũ, công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia công an nhân dân có quyết định xuất ngũ trong vòng 12 tháng tính đến tháng dự tuyển). – Đăng kí sơ tuyển: Tất cả thí sinh dự tuyển vào các trường công an đều phải qua sơ tuyển, bảo đảm đủ tiêu chuẩn về chính trị bản thân và gia đình, văn hoá, độ tuổi, sức khoẻ theo quy định của Bộ Công an. Thí sinh là học sinh phổ thông mua hồ sơ và đăng kí sơ tuyển tại công an cấp quận, huyện, thị xã,... (gọi chung là cấp huyện). Thời gian đăng kí sơ tuyển và thời gian khám sức khoẻ theo quy định của Bộ Công an (hằng năm có hướng dẫn cụ thể). – Phương thức tuyển sinh: Các học viện trường công an tổ chức tuyển sinh bằng phương thức: Xét tuyển, thi tuyển dựa trên đánh giá hồ sơ dự tuyển, kết quả kì thi đánh giá năng lực của Bộ Công an, kết quả kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông và những yêu cầu cụ thể về kiến thức, năng lực, phẩm chất của người học. Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tiễn để Bộ Công an xác định phương thức tuyển sinh và tỉ lệ xét tuyển theo từng phương thức cho phù hợp với đối tượng, chương trình đào tạo của từng trường.

* ***Một số nội dung cơ bản về công tác đào tạo***

a) Mục tiêu

Nắm được một số nội dung cơ bản về công tác đào tạo trong các trường công an để HS nghiên cứu tham gia hoặc hướng dẫn bạn bè, người thân tham gia thi tuyển sinh công an nhân dân.

b) Nội dung

HS xem đoạn phim hoặc đọc thông tin trong SGK, làm việc theo nhóm chuẩn bị nội dung theo câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm

HS nắm được những nội dung chính về công tác đào tạo trong các trường Công an nhân dân *(ở cột yêu cầu cần đạt).*

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm, giao nhiệm vụ cho HS. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* HS thảo luận cặp đôi; GV theo dõi, giúp đỡ. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Học viên học tập trong các trường công an nhân dân được trang bị những kiến thức cơ bản nào? Trình bày các ngành, chuyên ngành đào tạo của Học viện An ninh nhân dân; Học viện Cảnh sát nhân dân; Học viện Chính trị Công an nhân dân; Học viện Quốc tế; Trường Đại học An ninh nhân dân; Trường Đại học Cảnh sát nhân dân; Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy; Trường Đại học Kĩ thuật – Hậu cần Công an nhân dân; các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của HS, thống nhất nội dung câu hỏi.	– Các trường công an tổ chức tuyển sinh, đào tạo theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Bộ Công an. Học viên học tập trong các trường công an được trang bị những kiến thức cơ bản về lí luận chính trị, điều lệnh, bắn súng, thể lực,... – Học viện An ninh nhân dân đào tạo các nhóm ngành Nghiệp vụ An ninh; Học viện Cảnh sát nhân dân đào tạo các nhóm ngành Nghiệp vụ Cảnh sát; Học viện Chính trị Công an nhân dân đào tạo ngành Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước; Học viện Quốc tế đào tạo các ngành ngôn ngữ: Anh, Trung Quốc; Trường Đại học An ninh nhân dân (tuyển thí sinh phía nam tính từ thành phố Đà Nẵng trở vào) đào tạo các ngành tương tự như Học viện An ninh nhân dân; Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (tuyển thí sinh phía nam tính từ thành phố Đà Nẵng trở vào) đào tạo các ngành tương tự như học viên tốt nghiệp Học viện Cảnh sát nhân dân; Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy đào tạo các ngành Phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn; Trường Đại học Kĩ thuật – Hậu cần Công an nhân dân đào tạo các ngành Kĩ thuật – Hậu cần.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA GIA ĐÌNH, NHÀ TRƯỜNG VÀ CƠ QUAN TUYỂN SINH TRONG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP QUÂN SỰ, CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Trách nhiệm của gia đình và nhà trường

a) Mục tiêu

HS nắm được trách nhiệm của gia đình, nhà trường trong định hướng nghề nghiệp quân sự, Công an nhân dân.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, làm việc theo nhóm chuẩn bị nội dung theo câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm

HS nắm được trách nhiệm của gia đình, nhà trường trong định hướng nghề nghiệp quân sự, công an nhân dân *(ở cột yêu cầu cần đạt)*.

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho HS. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* HS thảo luận; GV theo dõi, giúp đỡ. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* GV yêu cầu HS trình bày; các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của HS, thống nhất nội dung câu hỏi.	Gia đình, nhà trường phải thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền về truyền thống tốt đẹp của Quân đội, Công an nhân dân Việt Nam; định hướng cho HS theo học các ngành nghề quân sự và công an. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Ban Tuyển sinh quân sự, công an làm tốt công tác tuyên truyền, hướng nghiệp cho HS thi tuyển vào các trường quân đội và công an.

2. Trách nhiệm của cơ quan tuyển sinh

a) Mục tiêu

HS nắm được trách nhiệm cơ quan tuyển sinh trong định hướng nghề nghiệp quân sự, công an nhân dân.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, làm việc theo nhóm chuẩn bị nội dung theo câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm

HS nắm được trách nhiệm của mình trong thực hiện nghĩa vụ quân sự *(ở cột yêu cầu cần đạt).*

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho HS. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* HS thảo luận; GV theo dõi, giúp đỡ. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* GV yêu cầu HS trình bày; các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của HS, thống nhất nội dung câu hỏi.	– Ban Tuyển sinh quân sự, công an cấp huyện tham mưu cho cấp uỷ, chỉ huy đơn vị, xây dựng kế hoạch, nội dung tuyên truyền, đồng thời phối hợp với các trường Trung học phổ thông trên địa bàn tổ chức tuyên truyền, hướng nghiệp, tuyển sinh vào các trường quân đội, công an. Ban Tuyển sinh quân sự, công an thông tin về truyền thống của Quân đội, Công an nhân dân Việt Nam; giới thiệu về hệ thống các nhà trường quân đội, công an; tư vấn, hướng dẫn về các ngành, nghề, thời gian đào tạo; đối tượng, tiêu chuẩn, phương thức tuyển sinh; thời gian, thủ tục, hồ sơ đăng kí sơ tuyển, xét tuyển; các chế độ ưu tiên; quyền lợi, nghĩa vụ của học viên khi trúng tuyển vào các trường quân đội, công an và giải đáp những thắc mắc của HS về các nội dung liên quan tới tuyển sinh vào các trường quân đội và công an. – Cùng với việc đẩy mạnh tuyên truyền, sau khi nhận hồ sơ đăng kí sơ tuyển, Ban Tuyển sinh quân sự, công an cấp huyện phân công cán bộ thẩm tra, xác minh, làm rõ những vấn đề về lí lịch chính trị, thành phần kinh tế, quan hệ xã hội,... của gia đình và bản thân người dự tuyển đảm bảo theo đúng quy định.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu

HS củng cố kiến thức đã học, tìm hiểu thêm thông tin về đối tượng, tiêu chuẩn,

phương thức tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy vào Học viện Kĩ thuật Quân sự và Trường Đại học Cảnh sát nhân dân.

b) Nội dung

HS thực hiện các yêu cầu và trả lời câu hỏi, tình huống luyện tập.

c) Sản phẩm

HS nắm được đối tượng, tiêu chuẩn, phương thức tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy vào Học viện Kĩ thuật Quân sự và Trường Đại học Cảnh sát nhân dân.

d) Tổ chức thực hiện

– Giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà thực hiện câu hỏi luyện tập và ghi ra giấy.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS trình bày đối tượng, tiêu chuẩn, phương thức tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy vào Học viện Kĩ thuật Quân sự và Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

– Báo cáo, thảo luận: GV thu sản phẩm của HS, lựa chọn những câu trả lời điển hình để thảo luận trước lớp.

– Nhận định, kết luận: Nhận xét, đánh giá các sản phẩm của HS; thống nhất, định hướng chung cho HS theo câu hỏi.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học để tuyên truyền cho bạn bè về đối tượng, tiêu chuẩn và công tác tuyển sinh vào các trường quân đội hoặc công an.

b) Nội dung

HS vận dụng kiến thức đã học của bài để chuẩn bị từng nội dung vận dụng.

c) Sản phẩm

Câu 1. Sẵn sàng tham gia tuyển sinh vào các trường quân đội hoặc công an nhân dân.

Câu 2. Giúp HS nắm chắc tiêu chí mà mình đã đạt được về: Chính trị, đạo đức; Trình độ văn hoá; Độ tuổi và Sức khoẻ để tham gia tuyển sinh vào các trường quân đội hoặc công an nhân dân sau đó lựa chọn một trường mà mình thích.

d) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS dựa vào kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi. GV yêu cầu HS viết ra giấy hoặc trình bày trước lớp; GV kiểm tra.

GV nhận xét, định hướng nội dung HS cần thực hiện trong học tập và trong cuộc sống ở nhà trường, địa phương.

Trường: .....

Tổ: .....

TÊN BÀI DẠY:

MỘT SỐ HIỂU BIẾT VỀ CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh; lớp: 12 Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

HS khám phá về khái niệm, mối quan hệ giữa chiến lược "diễn biến hoà bình" và bạo loạn lật đổ; âm mưu, thủ đoạn thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; phòng, chống chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ.

2. Về năng lực

Nêu được khái niệm, mối quan hệ giữa chiến lược "diễn biến hoà bình" và bạo loạn lật đổ; âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch trong thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ đối với cách mạng Việt Nam.

Biết và thực hiện được một số giải pháp phòng, chống âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

Thực hiện được trách nhiệm của mình trong phòng, chống chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ tại địa phương, trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là thông tin trên các trang mạng xã hội.

3. Về phẩm chất

Nêu cao tinh thần cảnh giác với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch trong cuộc sống.

Tôn trọng pháp luật, các quy định của nhà trường và địa phương, thực hiện nghiêm phong tục, tập quán của địa phương.

Tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa phương.

Kiên quyết đấu tranh với những hành vi tụ tập biểu tình, gây rối hoặc xem, bình luận, chia sẻ những tin, bài viết, hình ảnh có nội dung xấu, độc trên không gian mạng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Máy tính, máy chiếu (nếu có); giấy A0, A4 (phiếu học tập).

Các video, hình ảnh liên quan đến "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ và các tài liệu khác có liên quan.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Mở đầu

a) Mục tiêu

HS hứng thú và sẵn sàng tìm hiểu thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực, nhất là trên không gian mạng.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm

HS trình bày được lợi ích và tác hại khi tham gia vào mạng Internet theo quan điểm riêng của mình.

d) Tổ chức thực hiện

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK; nêu tình huống khởi động và đặt câu hỏi đối với HS.

– GV gọi HS trả lời về lợi ích và tác hại của mạng internet.

– GV tổng hợp, phân tích và từ đó dẫn dắt vào nội dung bài học mới.

Hoạt động 2 Khám phá

I. KHÁI NIỆM, MỐI QUAN HỆ GIỮA CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH" VÀ BẠO LOẠN LẬT ĐỔ

a) Mục tiêu

HS nắm được khái niệm và mối quan hệ giữa chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi để trả lời các câu hỏi:

Câu 1: Em hiểu thế nào là chiến lược "diễn biến hoà bình" và bạo loạn lật đổ.

Câu 2: Tại sao chiến lược "diễn biến hoà bình" tạo điều kiện, thời cơ cho bạo loạn lật đổ diễn ra?

c) Sản phẩm

HS hiểu được khái niệm và mối quan hệ giữa chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến

B*ước 1. Giao nhiệm vụ học tập* GV chia lớp thành nhóm đôi; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* HS thảo luận cặp đôi về khái niệm và mối quan hệ giữa chiến lược "diễn biến hoà bình" và bạo loạn lật đổ. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* HS trình bày nội dung, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. *Bước 4. Kết luận, nhận định* – GV nhận xét và thống nhất về khái niệm và mối quan hệ giữa chiến lược "diễn biến hoà bình" và bạo loạn lật đổ. – GV định hướng HS vận dụng khái niệm ở nội dung tiếp theo.	*– Chiến lược "diễn biến hoà bình"* Là chiến lược cơ bản do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành, nhằm lật đổ chế độ chính trị của các nước tiến bộ, trước hết là các nước xã hội chủ nghĩa từ bên trong, chủ yếu bằng biện pháp phi quân sự. *– Bạo loạn lật đổ* Là hành động chống phá bằng bạo lực, có tổ chức do lực lượng phản động hay lực lượng li khai, đối lập trong nước hoặc câu kết với nước ngoài tiến hành nhằm gây rối loạn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội hoặc lật đổ chính quyền (ở địa phương hoặc Trung ương) *– Chiến lược "diễn biến hoà bình" tạo điều kiện, thời cơ cho bạo loạn lật đổ diễn ra là vì:* Chiến lược "diễn biến hoà bình" làm cho đối phương mâu thuẫn nội bộ, suy yếu nền kinh tế, mất ổn định từ bên trong,... tạo cơ sở, điều kiện thuận lợi để các thế lực thù địch lợi dụng và thực hiện bạo loạn lật đổ.

II. ÂM MƯU, THỦ ĐOẠN THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

1. Âm mưu, thủ đoạn thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình"

a) Mục tiêu

HS nắm được âm mưu, thủ đoạn thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: *Các thế lực thù địch tiến hành chiến lược "diễn biến hoà bình" đối với cách mạng Việt Nam trên các lĩnh vực như thế nào?*

c) Sản phẩm

HS trình bày được thủ đoạn thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình" trên các lĩnh vực.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 4 nhóm; giao nhiệm vụ cho các nhóm: Nhóm 1 tìm hiểu thủ đoạn trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng. Nhóm 2 tìm hiểu thủ đoạn trên lĩnh vực kinh tế, dân tộc, tôn giáo. Nhóm 3 tìm hiểu thủ đoạn trên lĩnh vực văn hoá, quốc phòng, an ninh. Nhóm 4 tìm hiểu thủ đoạn trên không gian mạng. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* – Các nhóm chuyên gia đọc thông tin trong SGK và thảo luận theo nhiệm vụ của từng nhóm. – GV theo dõi, giúp đỡ HS làm việc nhóm; hết thời gian làm việc nhóm chuyên sâu thì tổ chức HS làm việc nhóm mảnh ghép. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* Tổ chức cho HS chơi trò chơi để kiểm tra kết quả làm việc nhóm của HS. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV nhận xét và thống nhất về âm mưu, thủ đoạn thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.	*– Âm mưu thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình":* Xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa, lái nước ta đi theo con đường tư bản chủ nghĩa *– Thủ đoạn "diễn biến hoà bình" trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng:* Xuyên tạc, bịa đặt vai trò của Đảng, tạo màu mẫu, làm mất niềm tin của nhân dân với Đảng; đòi thực hiện "đa nguyên chính trị", "đa đảng đối lập". Xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; truyền bá nền văn hoá tư sản, làm phai mờ bản sắc và giá trị văn hoá của dân tộc, phá vỡ nền tảng tư tưởng của Đảng. *– Thủ đoạn "diễn biến hoà bình" trên lĩnh vực kinh tế, dân tộc, tôn giáo:* Thúc đẩy tự do hoá, tư nhân hoá nền kinh tế nước ta; từng bước làm chệch hướng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta. Tuyên truyền, phát triển các tôn giáo trái pháp luật; kích động chức sắc, tín đồ,... chống đối chính quyền, gây mất ổn định chính trị – xã hội, tạo các điểm nóng và vu cáo Việt Nam "đàn áp tôn giáo, vi phạm nhân quyền", từ đó kêu gọi sự can thiệp từ bên ngoài. *– Thủ đoạn "diễn biến hoà bình" trên lĩnh vực văn hoá, quốc phòng, an ninh:* Du nhập lối sống, đạo đức, văn hoá tư sản vào nước ta; làm xói mòn nền tảng và các giá trị đạo đức, văn hoá tốt đẹp của dân tộc. Tạo cho thế hệ trẻ lối sống ăn chơi, thực dụng, vụ lợi, vị kỉ, đua đòi, hưởng lạc,... từ đó tạo ra một thế hệ mất gốc. Thực hiện các thủ đoạn thâm độc nhằm xoá bỏ vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh; đòi phi chính trị hoá quân đội và công an nhân dân. *– Thủ đoạn "diễn biến hoà bình" trên không gian mạng:* Sử dụng các trang web, blog, mạng xã hội facebook,... để đăng tải, phát tán các tin, bài viết, hình ảnh, video (đã được cắt ghép, tạo dựng) để xuyên tạc, tung tin bịa đặt,... nhằm chống phá Đảng và Nhà nước ta.

2. Âm mưu, thủ đoạn thực hiện bạo loạn lật đổ

a) Mục tiêu

HS nắm được âm mưu, thủ đoạn thực hiện bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: *Âm mưu, thủ đoạn bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam là gì?*

c) Sản phẩm

HS trình bày được âm mưu, thủ đoạn bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm; giao nhiệm vụ cho các nhóm. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* – Các nhóm đọc thông tin trong SGK và thảo luận nhóm. – GV theo dõi, giúp đỡ HS làm việc nhóm. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* – Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. – Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. *Bước 4. Kết luận, nhận định* – GV nhận xét và thống nhất về âm mưu, thủ đoạn bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. – GV định hướng HS vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.	*– Âm mưu tiến hành bạo loạn lật đổ:* Gây rối loạn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, từng bước lật đổ chính quyền ở địa phương hoặc Trung ương, tạo điều kiện và thúc đẩy chiến lược "diễn biến hoà bình". *– Chuẩn bị gây bạo loạn lật đổ:* Xây dựng, chuẩn bị lực lượng chống phá; câu kết với các phần tử phản động, cơ hội chính trị,... nhằm hình thành lực lượng đối lập với Đảng và Nhà nước. Chuẩn bị vũ khí, phương tiện gây rối; xây dựng kế hoạch, chọn điểm nóng và chờ cơ hội thực hiện bạo loạn lật đổ. *– Tiến hành bạo loạn lật đổ:* Kích động, dụ dỗ, lôi kéo nhân dân tụ tập, biểu tình, đập phá trụ sở, cơ quan chính quyền địa phương. Mở rộng quy mô từ nhỏ đến lớn, mở rộng phạm vi, địa bàn từ một vài nơi lan ra nhiều nơi, nhiều vùng.

III. PHÒNG, CHỐNG CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ

1. Một số giải pháp phòng, chống chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ

a) Mục tiêu

HS nắm được một số giải pháp phòng, chống chiến lược"diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: *Để làm thất bại chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, chúng ta cần thực hiện những giải pháp cơ bản nào?*

c) Sản phẩm

HS nêu được một số giải pháp phòng, chống chiến lược"diễn biến hoà bình", bạo

loạn lật đổ.

d) Tổ chức thực hiện

– GV chia lớp thành các nhóm cặp đôi; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

– Theo dõi, giúp đỡ HS thảo luận cặp đôi.

– Tổ chức cho HS trình bày nội dung; HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và thống nhất nội dung.

2. Trách nhiệm của học sinh

a) Mục tiêu

HS nắm được trách nhiệm của mình trong phòng, chống chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ.

b) Nội dung

HS thảo luận cặp đôi, ghi nội dung ra giấy.

c) Sản phẩm

HS nêu được trách nhiệm của mình trong phòng, chống chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ.

d) Tổ chức thực hiện

– GV chia lớp thành nhóm cặp đôi, hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

– Theo dõi, giúp đỡ HS thảo luận.

– Tổ chức cho HS trình bày nội dung; HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

– GV nhận xét, thống nhất nội dung và định hướng hành động của HS trong phòng, chống chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ, nhất là ở địa phương và trên không gian mạng, các phương tiện thông tin đại chúng.

Hoạt động 3 Luyện tập

a) Mục tiêu

HS củng cố kiến thức đã học về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam.

b) Nội dung

HS trình bày quan điểm của mình về những vấn đề cụ thể trong phần luyện tập.

c) Sản phẩm

HS đưa ra được quan điểm, lập luận cụ thể, rõ ràng về quan điểm của mình.

d) Tổ chức thực hiện

1. GV hướng dẫn HS nhớ lại kiến thức đã học về khái niệm, mối quan hệ giữa chiến lược "diễn biến hoà bình" và bạo loạn lật đổ để trả lời câu hỏi.

2. GV hướng dẫn HS nhớ lại kiến thức đã học về âm mưu, thủ đoạn chiến lược "diễn biến hoà bình" để đưa ra quan điểm của mình; GV gọi HS trình bày quan điểm, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

3. GV hướng dẫn HS liên hệ tới các thế lực thù địch lợi dụng tiện ích của mạng xã hội để thực hiện hành vi chống phá; gọi HS trình bày, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

Hoạt động 4 Vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học để góp phần làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch; tham gia mạng xã hội một cách an toàn.

b) Nội dung

HS tìm hiểu các hoạt động của địa phương liên quan đến phòng, chống chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ để trả lời câu hỏi.

Vận dụng kiến thức về thủ đoạn "diễn biến hoà bình" trên không gian mạng của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam để giải quyết tình huống.

c) Sản phẩm

HS tìm hiểu được các biện pháp phòng, chống chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địa phương và chia sẻ với bạn bè.

HS đưa ra được cách giải quyết của mình trong tình huống.

d) Tổ chức thực hiện

1. GV hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông báo của các cơ quan chính quyền địa phương về các giải pháp phòng, chống chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địa phương mình. Quy định thời gian kiểm tra.

2. GV hướng dẫn HS vận dụng kiến thức về thủ đoạn chống phá Việt Nam trên không gian mạng, trách nhiệm của HS trong phòng, chống chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ để đưa ra quan điểm.

Cách giải quyết có thể là: Khuyên bạn của mình dừng lại ngay việc chia sẻ những bài viết chưa được kiểm chứng nội dung; đồng thời gỡ bỏ những bài viết đã chia sẻ có nội dung xuyên tạc, bôi nhọ lịch sử Việt Nam; thông báo cho mọi người biết tài khoản đăng tải những bài viết đó để cảnh giác, không để bị lợi dụng. Hãy nói với bạn của mình hiểu rõ về thủ đoạn chống phá trên không gian mạng của các thế lực thù địch để bạn hiểu và có hành động đúng mực khi tham gia mạng xã hội.

TÊN BÀI DẠY:
TRUYỀN THỐNG VÀ NGHỆ THUẬT ĐÁNH GIẶC GIỮ NƯỚC CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh; lớp: 12 Thời gian thực hiện: 04 tiết

I MỤC TIÊU

1 Về kiến thức

HS khám phá một số nét chính về truyền thống và nghệ thuật quân sự của lực lượng vũ trang địa phương; tìm hiểu về truyền thống nơi học sinh đang sinh sống, từ đó xây dựng, bảo vệ, giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương.

2. Về năng lực

Nêu được một số nét chính về truyền thống và nghệ thuật quân sự của lực lượng vũ trang địa phương.

Biết phát huy truyền thống của cha ông, tự giác tu dưỡng, rèn luyện xứng đáng với truyền thống quê hương.

Chủ động thực hiện được trách nhiệm của công dân trong việc xây dựng, bảo vệ, giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương.

3. Về phẩm chất

Tích cực học tập, tìm hiểu và tự hào về truyền thống, nghệ thuật quân sự của lực lượng vũ trang địa phương.

Luôn biết ơn và trân trọng những cống hiến, hi sinh của thế hệ ông cha; tích cực tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, tiếp lửa truyền thống, kỉ niệm các ngày lễ, ngày truyền thống,...

Phê phán với những biểu hiện, hành vi bôi nhọ, xuyên tạc truyền thống quê hương.

Sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự và phục vụ trong quân đội, công an lâu dài để cống hiến, hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì Chủ nghĩa xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Máy tính, máy chiếu (nếu có); giấy A0, A4 (phiếu học tập).

Tranh, ảnh theo hình 5.1 – 5.6 trong SGK; video, clip thể hiện một số truyền thống và nghệ thuật quân sự của lực lượng vũ trang địa phương trong chiến đấu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Mở đầu

a) Mục tiêu

HS hứng thú và sẵn sàng tìm hiểu kiến thức về truyền thống và nghệ thuật quân sự của lực lượng vũ trang địa phương ở bài học mới.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 5.1 trong SGK (hoặc xem trên slide) để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm

Ý nghĩa của phong trào "Ba sẵn sàng": Là phong trào hành động cách mạng của thanh niên miền Bắc Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, với ba nội dung: sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu dũng cảm và gia nhập lực lượng vũ trang nhân dân; sẵn sàng khắc phục mọi khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, học tập, công tác; sẵn sàng đi bất cứ nơi nào, làm bất cứ việc gì mà Tổ quốc cần. Phong trào thể hiện tinh thần dân tộc và lòng yêu nước sâu sắc của thanh niên Việt Nam; sẵn sàng cống hiến tuổi trẻ, sẵn sàng xung phong, sẵn sàng nhận bất cứ nhiệm vụ nào mà Đảng, đoàn và nhà trường giao phó để thực hiện nhiệm vụ chính trị thiêng liêng của Tổ quốc.

Ý nghĩa của phong trào "Ba đảm đang": Là phong trào hành động cách mạng của phụ nữ miền Bắc Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, với ba nội dung: đảm đang nhiệm vụ sản xuất, công tác thay cho nam giới đi chiến đấu; đảm

đang công việc gia đình để chồng con, anh em đi chiến đấu; đảm đang việc phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Phong trào đã khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước nồng nàn, truyền thống lao động sáng tạo, ý chí tự cường phấn đấu vươn lên của phụ nữ miền Bắc. Phong trào đã nâng trách nhiệm, vị trí người phụ nữ lên tầm cao mới, tạo bước ngoặt lịch sử đối với sự phát triển của phụ nữ và phong trào phụ nữ.

d) Tổ chức thực hiện

– GV hướng dẫn học sinh quan sát hình 5.1 trong SGK (hoặc chiếu lên slide) và đặt câu hỏi đối với học sinh.

– GV gọi HS trả lời và từ đó dẫn dắt vào nội dung bài học mới.

Lưu ý: GV có thể sử dụng video về các phong trào của thanh niên, phụ nữ và nhân dân trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ để chiếu cho HS quan sát và tiến hành hoạt động khởi động.

Hoạt động 2 Khám phá

I. MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ TRUYỀN THỐNG VÀ NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỊA PHƯƠNG

1. Thành phần của lực lượng vũ trang địa phương

a) Mục tiêu

HS nắm được thành phần của lực lượng vũ trang ở địa phương mình.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi: *Nơi em sinh sống có những thành phần lực lượng vũ trang địa phương nào? Lấy ví dụ cho các thành phần đó.*

c) Sản phẩm

Một số đơn vị của lực lượng vũ trang ở địa phương gồm:

Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy quân sự huyện; dân quân tự vệ xã; công an cấp tỉnh, huyện và cấp xã; Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Đồn Biên phòng, Ban chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng, Hải đội Biên phòng,...

d) Tổ chức thực hiện

– GV chia lớp thành các nhóm đôi; hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

– Theo dõi, giúp đỡ HS thảo luận nhóm.

– Tổ chức cho HS trình bày kết quả, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

– GV nhận xét, thống nhất nội dung.

2 Một số nét chính về truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương

a) Mục tiêu

HS nắm được một số nét chính về truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm về truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương.

c) Sản phẩm

HS nêu được một số nét chính về truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 5 nhóm (vận dụng kĩ thuật phòng tranh); giao nhiệm vụ cho các nhóm: Nhóm 1 tìm hiểu về truyền thống: Tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước và nhân dân; phục tùng sự lãnh đạo, quản lí của cấp uỷ, chính quyền địa phương. Nhóm 2 tìm hiểu về truyền thống: Độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, càng đánh càng mạnh. Nhóm 3 tìm hiểu về truyền thống: Kiên cường, dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, linh hoạt trong chiến đấu và lao động. Nhóm 4 tìm hiểu về truyền thống: Gắn bó máu thịt với nhân dân, sẵn sàng hi sinh bảo vệ tài sản của Nhà nước ở địa phương, tính mạng, tài sản của nhân dân.	*– Tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước và nhân dân; phục tùng sự lãnh đạo, quản lí của cấp uỷ, chính quyền địa phương* Xuất phát: Lực lượng vũ trang địa phương là một bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân do Đảng tổ chức, lãnh đạo; Nhà nước quản lí. Trong chiến đấu: Lực lượng vũ trang địa phương luôn sẵn sàng chiến đấu, hi sinh vì mục tiêu, lí tưởng cao cả của Đảng, của giai cấp, của quân đội là: Độc lập tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân, xây dựng thành công Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tuyệt đối phục tùng sự lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, điều hành của cấp uỷ, chính quyền địa phương trong mọi nhiệm vụ; sẵn sàng xả thân, hi sinh tính mạng vì nước, vì dân. Hiện nay: Lực lượng vũ trang địa phương luôn kiên định con đường cách mạng của Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn, kiên trì hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nhân dân.

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến

Nhóm 5 tìm hiểu về truyền thống: Đoàn kết, tận tình giúp đỡ nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương bạn. Ở mỗi truyền thống cần làm rõ: Sự bắt nguồn của truyền thống, biểu hiện trong chiến đấu và trong giai đoạn hiện nay như thế nào. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* – Các nhóm đọc thông tin trong SGK và thảo luận theo nhiệm vụ của từng nhóm. – GV theo dõi, giúp đỡ HS làm việc nhóm; hết thời gian làm việc nhóm chuyên sâu thì tổ chức cho các nhóm tham quan nội dung của nhau (mỗi nhóm có người làm chuyên gia để thuyết trình, giải đáp thắc mắc). – Các nhóm hoàn thiện nội dung trong quá trình tham quan. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả, nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung; hoặc tổ chức cho HS chơi trò chơi để kiểm tra kết quả làm việc nhóm của HS. *Bước 4. Kết luận, nhận định* – GV nhận xét và thống nhất về những nét chính về truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương. – GV giao nhiệm vụ cho các nhóm sưu tầm những tấm gương, câu truyện về truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương; thuyết trình trước lớp ở giờ học tiếp theo.	*– Độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, càng đánh càng mạnh* Xuất phát: Độc lập tự chủ, tự lực, tự cường là truyền thống của dân tộc, nội sinh sức mạnh của đất nước; vừa là đường lối, quan điểm vừa là phương châm chỉ đạo hành động của Đảng. Trong chiến đấu: Lực lượng vũ trang địa phương đã quán triệt tinh thần dựa vào sức mình là chính, đem sức ta mà giải phóng cho ta. Không chịu khuất phục trước quân địch, khắc phục khó khăn, phát huy sức mạnh tại chỗ, chủ động đánh địch, làm tiêu hao, tiêu diệt địch, giải phóng địa phương. Phát huy sức mạnh của chính mình, linh hoạt và mềm dẻo, mưu lược và táo bạo, sáng tạo trong từng trận đánh làm cho ta càng đánh càng mạnh. Hiện nay: Luôn phát huy tốt vai trò nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; chủ động xây dựng lực lượng hùng mạnh, huấn luyện giỏi, sẵn sàng chiến đấu cao; đấu tranh làm thất bại chiến lược"diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. *– Kiên cường, dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, linh hoạt trong chiến đấu và lao động* Xuất phát: Kiên cường, dũng cảm, mưu trí, sáng tạo là phẩm chất của lực lượng vũ trang nói chung và lực lượng vũ trang địa phương nói riêng. Đặc biệt, lực lượng vũ trang địa phương thường xuyên hoạt động phân tán nhỏ lẻ, nhiều lúc cài xen với địch, rơi vào tình huống khó khăn phức tạp, biến động khó lường càng đòi hỏi phải kiên cường, dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, linh hoạt. Trong chiến đấu: Lực lượng vũ trang địa phương luôn kiên cường, bất khuất, không sợ hi sinh, gian khổ để đánh đuổi kẻ thù, bảo vệ quê hương, đất nước. Luôn mưu trí, sáng tạo, linh hoạt cả trong chiến đấu và lao động sản xuất. Nghiên cứu, tìm tòi và nghĩ ra nhiều cách đánh giặc hiệu quả, phù hợp với thế mạnh của địa phương. Sáng chế nhiều loại vũ khí thô sơ, tự tạo bằng những phương pháp và phương tiện thủ công nhưng lại khiến quân địch khiếp sợ.

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
	Hiện nay: Luôn thực hiện tốt việc giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; lao động sản xuất phát triển kinh tế ở địa phương; đi đầu trong phòng, chống giảm nhẹ thiên tai. Nêu cao tinh thần cảnh giác, chủ động phát hiện, ngăn chặn âm mưu xâm lược của địch, góp phần bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. *– Gắn bó máu thịt với nhân dân, sẵn sàng hi sinh bảo vệ tài sản của Nhà nước ở địa phương, tính mạng, tài sản của nhân dân* Xuất phát: Đây là nét đẹp truyền thống, là cội nguồn sức mạnh của lực lượng vũ trang địa phương. Trong chiến đấu: Nhân dân luôn là nguồn sức mạnh to lớn của lực lượng vũ trang địa phương, giúp cho lực lượng vũ trang địa phương chiến đấu và chiến thắng mọi kẻ thù. Ngược lại, lực lượng vũ trang địa phương luôn sẵn sàng xả thân chiến đấu, hi sinh để bảo vệ tài sản của Nhà nước ở địa phương, tính mạng, tài sản của nhân dân và bảo vệ chính những người thân yêu của mình ở địa phương. Hiện nay: Luôn kề vai sát cánh, đồng cam, cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi, đoàn kết với nhân dân vượt qua mọi khó khăn, thách thức; luôn một lòng, một dạ với nhân dân, tôn trọng nhân dân, giúp đỡ nhân dân và sẵn sàng hi sinh để bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân. *– Đoàn kết, tận tình giúp đỡ nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương bạn* Xuất phát: Từ truyền thống đoàn kết cuả dân tộc; nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân, lực lượng vũ trang địa phương luôn đoàn kết, tận tình giúp đỡ nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương bạn. Trong chiến đấu: Các địa phương thường xuyên đoàn kết, phối hợp cùng nhau thành hệ thống làng xã chiến đấu, cụm xã (khu phố) chiến đấu; tạo thành thế trận phòng thủ lợi hại, có thể đánh địch ở khắp nơi và bất cứ lúc nào. Tiêu diệt địch trên địa bàn mình và địa bàn lân cận nhằm mở rộng vùng giải phóng, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn trên phạm vi cả nước.

3 Một số nét chính về nghệ thuật quân sự của lực lượng vũ trang địa

phương

a) Mục tiêu

HS hiểu được một số nét chính về nghệ thuật quân sự của lực lượng vũ trang địa phương.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm về một số nét chính về nghệ thuật quân sự của lực lượng vũ trang địa phương.

c) Sản phẩm

HS nêu được một số nét chính về nghệ thuật quân sự của lực lượng vũ trang địa phương.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 5 nhóm (vận dụng kĩ thuật phòng tranh); giao nhiệm vụ cho các nhóm: Nhóm 1 tìm hiểu về nghệ thuật: Tiến hành chiến tranh nhân dân ở địa phương, làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc. Nhóm 2 tìm hiểu về nghệ thuật: Quán triệt tư tưởng, chiến lược tiến công, bám trụ kiên cường; tích cực, chủ động đánh địch rộng khắp, mọi nơi, mọi lúc, bằng mọi thứ vũ khí với nhiều quy mô. Nhóm 3 tìm hiểu về nghệ thuật: Tận dụng, cải tạo địa hình, tạo lập thế trận tại chỗ; phát huy sở trường, phối hợp các lực lượng. Nhóm 4 tìm hiểu về nghệ thuật: Vận dụng linh hoạt nhiều hình thức chiến thuật, sáng tạo nhiều cách đánh. Nhóm 5 tìm hiểu về nghệ thuật: Phối hợp, hiệp đồng chiến đấu, phục vụ, bảo đảm chiến đấu chặt chẽ với bộ đội chủ lực trên địa bàn.	– *Tiến hành chiến tranh nhân dân ở địa phương, làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc* Lực lượng tiến hành chiến tranh nhân dân địa phương là toàn dân đánh giặc, trong đó lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt. Mỗi địa phương là một mặt trận, mỗi người dân yêu nước là một chiến sĩ, mỗi làng, xã, đường phố là một pháo đài; kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, binh vận với ngoại giao và nổi dậy của quần chúng trên cả ba vùng chiến lược; kìm chân địch ở mọi nơi, làm cho địch bị động, phân tán, tiêu hao lực lượng, bộc lộ những sơ hở, yếu kém, tạo thời cơ cho bộ đội chủ lực chiến đấu giành thắng lợi. – *Quán triệt tư tưởng, chiến lược tiến công, bám trụ kiên cường; tích cực, chủ động đánh địch rộng khắp, mọi nơi, mọi lúc, bằng mọi thứ vũ khí với nhiều quy mô* Lấy hành động tiến công là chính, kết hợp với phòng ngự chủ động, kiên cường bám trụ (bám dân, bám đất, bám địch,...), làm chủ làng (bản), xã, phường; luôn tìm cách giành và giữ quyền chủ động trên chiến trường. Đánh địch ở mọi lúc, mọi nơi, bằng mọi hình thức (chính trị, quân sự, binh vận,...) với mọi vũ khí, phương tiện (vũ khí thô sơ, tự tạo, vũ khí lấy được của địch,...), với nhiều quy mô khác nhau (đánh nhỏ lẻ, khi phân tán, lúc tập trung,...) làm cho địch đi đến đâu cũng bị đánh, ở đâu cũng không yên, bị hao mòn về lực lượng, phương tiện, sa sút về tinh thần, tan rã về tổ chức, buộc địch phải phân tán lực lượng, từ thế tiến công chuyển sang thế phòng ngự, từ mạnh chuyển thành yếu.

Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ – Các nhóm đọc thông tin trong SGK và thảo luận theo nhiệm vụ của từng nhóm. – GV theo dõi, giúp đỡ HS làm việc nhóm; hết thời gian làm việc nhóm chuyên sâu thì tổ chức cho các nhóm tham quan kết quả của nhau (mỗi nhóm có người thuyết trình, giải đáp thắc mắc). – Học sinh hoàn thiện nội dung trong quá trình tham quan. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả, nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung; hoặc tổ chức cho HS chơi trò chơi để kiểm tra kết quả làm việc nhóm của HS. *Bước 4. Kết luận, nhận định* – GV nhận xét và thống nhất về những nét chính về nghệ thuật quân sự của lực lượng vũ trang địa phương. – GV giao nhiệm vụ cho các nhóm tìm hiểu về truyền thống của địa phương mình; thuyết trình trước lớp ở giờ học tiếp theo.	*– Tận dụng, cải tạo địa hình, tạo lập thế trận tại chỗ; phát huy sở trường, phối hợp các lực lượng* Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương là những người rất thông thạo địa hình ở địa bàn, nên có thể triệt để khai thác yếu tố có lợi của địa hình, thời tiết để triển khai hoạt động tiến công tiêu diệt địch. Tổ chức xây dựng các loại công sự chiến đấu, hầm hào giao thông, đường hầm, hầm bí mật để giữ lực lượng, hầm cất giấu vũ khí, đạn dược, lương thực, thực phẩm cần thiết,... thậm chí xây dựng địa đạo kiên cố hiểm hóc để duy trì cuộc chiến đấu lâu dài. Thực hiện "làng giữ làng, xã giữ xã, huyện giữ huyện, tỉnh giữ tỉnh". Phát huy sở trường của lực lượng vũ trang địa phương là cách đánh du kích, lấy ít địch nhiều, lấy yếu đánh mạnh; luôn giữ quyền chủ động tiến công, cơ động linh hoạt, bí mật bất ngờ, đánh nhanh, rút nhanh, có kế hoạch thích hợp, chu đáo. *– Vận dụng linh hoạt nhiều hình thức chiến thuật, sáng tạo nhiều cách đánh* Vận dụng linh hoạt nhiều hình thức chiến thuật và thủ đoạn chiến đấu (tập kích, phục kích, độn thổ, độn thuỷ,…), sáng tạo ra nhiều cách đánh để đảm bảo tiêu diệt địch, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân trên địa bàn. Chiến đấu bằng mọi vũ khí có trong tay; đánh địch trên khắp các chiến trường, trên nhiều lĩnh vực cả chính trị, quân sự và binh vận. Tổ chức đánh địch nhỏ lẻ, rộng khắp, thường xuyên, liên tục do từng người, tổ, tiểu đội, trung đội tiến hành trên phạm vi hẹp, nhằm tạo ra thế trận tiến công liên tục, thế xen kẽ cài răng lược, thế uy hiếp địch ở khắp nơi, địch phải phân tán đối phó, tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực thực hành những trận đánh tập trung tiêu diệt địch. *– Phối hợp, hiệp đồng chiến đấu, phục vụ, bảo đảm chiến đấu chặt chẽ với bộ đội chủ lực trên địa bàn* Lực lượng vũ trang địa phương thường xuyên cung cấp thông tin về địch, dẫn đường, tiếp tế lương thực, vận chuyển đạn dược, thương binh, bệnh binh,... và bảo đảm mọi mặt cho bộ đội chủ lực chiến đấu. Khi tác chiến thì tiến hành hoạt động nghi binh, đánh tiêu hao, tiêu diệt nhỏ, kìm giữ địch, chia cắt, căng kéo địch, buộc địch phải phân tán đối phó, bộc lộ sơ hở; tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực tập trung lực lượng đánh vào chỗ sơ hở, mỏng yếu của địch.

II. TRÁCH NHIỆM TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ, GIỮ GÌN, PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG QUÊ HƯƠNG

1. Tìm hiểu truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương nơi học sinh đang sinh sống

a) Mục tiêu

HS nắm được những giá trị và ý nghĩa những truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương nơi mình sinh sống.

b) Nội dung

HS tìm hiểu và thuyết trình trước lớp về truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương.

c) Sản phẩm

HS nêu được những nét chính về truyền thống địa phương, trong đó có: Ngày truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương.

Những chiến công, thành tích của lực lượng vũ trang địa phương trong chiến đấu và bảo vệ Tổ quốc.

Những người có công với cách mạng: Các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các Anh hùng liệt sĩ, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân,...

Những đóng góp của lực lượng vũ trang địa phương trong thời bình.

Các công trình ghi nhận và tưởng nhớ sự đóng góp, hi sinh của lực lượng vũ trang địa phương với Tổ quốc.

d) Tổ chức thực hiện

– GV kiểm tra công tác chuẩn bị của HS (do đã giao nhiệm vụ từ trước).

– Tổ chức cho các nhóm trình bày nội dung; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và thống nhất nội dung.

2. Trách nhiệm của học sinh

a) Mục tiêu

HS nắm được trách nhiệm của mình trong việc xây dựng, bảo vệ, giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương.

b) Nội dung

HS thảo luận cặp đôi, ghi nội dung ra giấy.

c) Sản phẩm

HS nêu được trách nhiệm của mình trong xây dựng, bảo vệ, giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương.

d) Tổ chức thực hiện

– GV chia lớp thành nhóm đôi, hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

– Tổ chức cho HS trình bày nội dung; HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

– GV nhận xét, thống nhất nội dung và định hướng hành động của HS trong thực tiễn cuộc sống.

Hoạt động 3 Luyện tập

a) Mục tiêu

HS củng cố kiến thức đã học về truyền thống và nghệ thuật quân sự của lực lượng vũ trang địa phương.

b) Nội dung

HS trình bày quan điểm của mình về những vấn đề cụ thể trong phần luyện tập.

c) Sản phẩm

HS đưa ra được quan điểm, lập luận cụ thể, rõ ràng về quan điểm của mình.

d) Tổ chức thực hiện

1. GV hướng dẫn HS nhớ lại kiến thức đã học về truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương để trả lời câu hỏi; yêu cầu HS tìm hiểu và lấy ví dụ về cá nhân và tập thể kiên cường, dũng cảm, mưu trí trong chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, quy định thời gian báo cáo.

2. GV hướng dẫn HS nhớ lại kiến thức đã học về nghệ thuật quân sự của lực lượng vũ trang địa phương để nêu những biểu hiện về sự gắn bó máu thịt với nhân dân của lực lượng vũ trang địa phương.

3. GV hướng dẫn HS nhớ lại kiến thức đã học về nghệ thuật quân sự của lực lượng vũ trang địa phương để nêu những hoạt động thể hiện việc phối hợp, hiệp đồng chiến đấu, phục vụ, bảo đảm chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương với bộ đội chủ lực.

4. GV hướng dẫn HS liên hệ với trách nhiệm của mình trong việc xây dựng, bảo vệ, giữ gìn và phát huy truyền thống quê hương để đưa ra quan điểm của mình đối với từng trường hợp. Tổ chức trao đổi, thảo luận và thống nhất nội dung ngay trên lớp.

Hoạt động 4 Vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học để sưu tầm những câu chuyện về những người có công với cách mạng ở địa phương.

b) Nội dung

HS tìm hiểu về những câu chuyện của người có công với cách mạng (tên, sự kiện, thời gian, ý nghĩa,...); viết rõ nội dung kết hợp với hình ảnh, video minh hoạ và chia sẻ với mọi người về sản phẩm đó.

c) Sản phẩm

HS tìm hiểu được những câu chuyện về các: Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng liệt sĩ,... ở địa phương.

d) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS tìm hiểu về những câu chuyện của người có công với cách mạng; quy định thời gian báo cáo kết quả; kiểm tra đánh giá sản phẩm.

TÊN BÀI DẠY:

KĨ THUẬT BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh; lớp: 12 Thời gian thực hiện: 07 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

HS khám phá một số nội dung cơ bản về lí thuyết bắn, động tác bắn tại chỗ của súng tiểu liên AK, tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.

2. Về năng lực

Nêu được một số nội dung cơ bản về lí thuyết và động tác, kĩ thuật bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.

Biết thực hành bắn trúng mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.

3. Về phẩm chất

Tích cực học tập, tìm hiểu lí thuyết bắn.

Tự giác luyện tập thành thạo động tác bắn tại chỗ của súng tiểu liên AK.

Có ý thức giữ gìn vũ khí trang bị, chấp hành nghiêm quy tắc khi sử dụng súng trong quá trình học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Súng tiểu liên AK, túi đựng hộp tiếp đạn, bộ tranh lí thuyết bắn, bảng kẻ cách kiểm tra độ trúng, sơ đồ điều kiện bài bắn mục tiêu cố định ban ngày, giá treo tranh, que chỉ, bảng ngắm, thước mm, bút chì, bia đồng tiền, bao cát, bia số 4, mô hình đầu ngắm, khe ngắm phóng to, điểm dấu.

Bãi tập bắn bằng phẳng, có chính diện ít nhất 20 m; chiều sâu ít nhất 100 m. Trên bãi tập bố trí các bệ nằm bắn của súng tiểu liên AK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Mở đầu

a) Mục tiêu

Giúp HS bước đầu hình dung được động tác bắn của súng tiểu liên AK. Đồng thời, khơi dậy sự hứng khởi, niềm đam mê, sở thích khám phá của nội dung bài học mới.

b) Nội dung

HS quan sát hình 6.1 trong SGK và cho biết: *Các chiến sĩ trong hình 6.1 đang làm gì?*

c) Sản phẩm

HS nêu được các chiến sĩ đang luyện tập bắn súng tiểu liên AK.

d) Tổ chức thực hiện

– GV hướng dẫn HS quan sát hình 6.1 trong SGK và nêu câu hỏi.

– GV gọi HS trả lời và từ đó dẫn dắt vào nội dung bài học mới.

Hoạt động 2 Khám phá

I. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ LÍ THUYẾT BẮN

1. Khái niệm về ngắm bắn và định nghĩa các yếu tố về ngắm bắn

a) Mục tiêu

HS hiểu được khái niệm về ngắm bắn và định nghĩa các yếu tố về ngắm bắn.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi: *Đường ngắm cơ bản và đường ngắm đúng khác nhau như thế nào?*

c) Sản phẩm

Sự khác nhau giữa đường ngắm cơ bản với đường ngắm đúng là: Đường ngắm đúng là đường ngắm cơ bản được dóng vào điểm ngắm đã xác định với điều kiện mặt súng phải thăng bằng.

d) Tổ chức thực hiện

– GV chia lớp thành các nhóm đôi; hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình 6.2, 6.3 trong SGK để trả lời câu hỏi.

– GV gọi HS trả lời, HS lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

– GV nhận xét, thống nhất nội dung; định hướng HS vận dụng vào luyện tập bắn súng tiểu liên AK.

2. Ảnh hưởng của ngắm sai đến kết quả bắn

a) Mục tiêu

HS nêu được ảnh hưởng của ngắm sai đến kết quả bắn như đường ngắm cơ bản sai, ngắm sai điểm ngắm, mặt súng không thăng bằng.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát các hình 6.4 – 6.6 trong SGK, nghe và quan sát GV hướng dẫn để trả lời câu hỏi: *Những yếu tố nào ảnh hưởng đến kết quả bắn?*

c) Sản phẩm

Những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả bắn gồm: ngắm sai đường ngắm cơ bản, ngắm sai điểm ngắm và mặt súng không thăng bằng.

d) Tổ chức thực hiện

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát các hình 6.4 – 6.6 trong SGK, kết hợp nghe và quan sát GV trình bày.

– GV thuyết trình kết hợp chỉ trên tranh để làm rõ nội dung ảnh hưởng của ngắm sai đến kết quả bắn khi: ngắm sai đường ngắm cơ bản, ngắm sai điểm ngắm, mặt súng không thăng bằng.

– GV đặt câu hỏi cho HS; gọi HS trả lời, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

– GV nhận xét, thống nhất nội dung.

II ĐỘNG TÁC BẮN TẠI CHỖ CỦA SÚNG TIỂU LIÊN AK

GV khái quát các động tác bắn súng tiểu liên AK và động tác HS cần tập trung

thực hiện ở cấp THPT.

1 Động tác nằm bắn không tì

a) Mục tiêu

HS nắm được trường hợp vận dụng, khẩu lệnh và thực hiện được động tác nằm bắn không tì đối với súng tiểu liên AK.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát các hình 6.7 – 6.15 trong SGK, kết hợp nghe, quan sát động tác làm mẫu của GV để nắm nội dung; trả lời câu hỏi: *Tại sao khi giương súng phải thực hiện tốt các yếu tố bằng, chắc, đều, bền? Hãy nêu nội dung bằng, chắc, đều, bền.*

c) Sản phẩm

HS nêu được trường hợp vận dụng, khẩu lệnh và thực hiện được động tác nằm bắn không tì đối với súng tiểu liên AK; giải thích được tại sao khi giương súng phải thực hiện tốt: bằng, chắc, đều, bền.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 6.7 – 6.15 trong SGK và theo dõi nắm động tác làm mẫu của GV. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* – GV nêu trường hợp vận dụng và khẩu lệnh của động tác nằm bắn không tì. – GV làm mẫu động tác nằm bắn không tì qua ba bước: Bước 1: Làm nhanh. Bước 2: Làm chậm phân tích. Nêu điểm chú ý. Bước 3: Làm tổng hợp. – HS quan sát nắm kĩ thuật thực hiện động tác nằm bắn không tì; sẵn sàng trả lời câu hỏi của GV.	*– Khi giương súng phải thực hiện tốt các yếu tố bằng, chắc, đều, bền là vì:* Muốn bắn trúng mục tiêu, nhất là khi bắn liên thanh, người bắn phải thực hiện tốt bằng, chắc, đều, bền. *– Nội dung bằng, chắc, đều, bền:* Bằng: là mặt súng phải bằng. Chắc: là hai tay giữ súng, ghì súng chắc vào vai, hai khuỷu tay chống xuống đất chắc chắn, súng và người thành một khối vững chắc.

Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**

Bước 3. Báo cáo, thảo luận – GV kiểm tra nắm động tác của HS và nêu lần lượt các câu hỏi: Tại sao khi giương súng phải thực hiện tốt các yếu tố bằng, chắc, đều, bền? Hãy nêu nội dung bằng, chắc, đều, bền. HS trả lời câu hỏi hoặc thực hiện động tác theo yêu cầu của GV thông qua việc quan sát động tác mẫu. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV nhận xét câu trả lời hoặc động tác thực hành của HS.	Đều: là lực giữ hai tay và lực ghì súng phải đều nhau. Bền: là thực hiện các yếu tố bằng, chắc, đều trong suốt quá trình thực hiện phát bắn, loạt bắn.

2 Động tác nằm bắn có tì

a) Mục tiêu

HS nắm được trường hợp vận dụng, khẩu lệnh và thực hiện được động tác nằm bắn có tì đối với súng tiểu liên AK.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 6.16 trong SGK, kết hợp nghe, quan sát động tác làm mẫu của GV để nắm nội dung.

c) Sản phẩm

HS nêu được trường hợp vận dụng, khẩu lệnh và thực hiện được động tác nằm bắn có tì đối với súng tiểu liên AK.

d) Tổ chức thực hiện

– GV nêu điểm giống và khác đối với động tác nằm bắn không tì.

– GV làm chậm và phân tích động tác nằm bắn có tì.

III TẬP BẮN MỤC TIÊU CỐ ĐỊNH BAN NGÀY BẰNG SÚNG TIỂU LIÊN AK

1 Tập ngắm chụm; ngắm trúng, chụm vào bia đồng tiền

a) Mục tiêu

HS hiểu được ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu và biết cách ngắm chụm, ngắm trúng, chụm vào mục tiêu thu nhỏ, ở cự li gần.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát các hình 6.17 – 6.22 trong SGK, nghe và quan sát hành động của đội mẫu để nắm nội dung; trả lời các câu hỏi:

Câu 1: Tại sao khi luyện tập ngắm chụm; ngắm trúng, chụm, yêu cầu các lần ngắm phải có tính thống nhất cao?

Câu 2: Khi tập ngắm chụm, sau khi lấy xong đường ngắm, người tập có được chạm vào súng không? Vì sao?

Câu 3: Em hãy nêu cách xác định điểm chạm trung bình của ba điểm chạm.

c) Sản phẩm

HS nêu được ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu và biết cách ngắm chụm, ngắm trúng, chụm vào mục tiêu thu nhỏ, ở cự li gần; trả lời được các câu hỏi của GV.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 6.17 – 6.22 trong SGK và theo dõi hành động của đội mẫu; trả lời câu hỏi. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* – GV nêu ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu của ngắm chụm, ngắm trúng, chụm. – GV sử dụng đội mẫu đã được bồi dưỡng trước (đội mẫu gồm trưởng nhóm, người phục vụ, người tập) để giới thiệu nội dung tập ngắm chụm, ngắm trúng, chụm. – GV thuyết trình đến đâu, đội mẫu hành động đến đó. – HS quan sát nắm hành động của đội mẫu; sẵn sàng trả lời câu hỏi của GV. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* – GV kiểm tra HS về việc nắm hành động của đội mẫu và nêu lần lượt các câu hỏi tương ứng với từng nội dung. Tại sao khi luyện tập ngắm chụm; ngắm trúng, chụm, yêu cầu các lần ngắm phải có tính thống nhất cao? Khi tập ngắm chụm, sau khi lấy xong đường ngắm, người tập có được chạm vào súng không? Vì sao? Em hãy nêu cách xác định điểm chạm trung bình của ba điểm chạm – HS trả lời câu hỏi của GV. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV nhận xét, thống nhất nội dung.	*– Khi luyện tập ngắm chụm; ngắm trúng, chụm, yêu cầu các lần ngắm phải có tính thống nhất cao vì:* Khi luyện tập ngắm chụm; ngắm trúng, chụm, các lần ngắm phải chính xác và có tính thống nhất cao thì mới đánh giá đúng kết quả luyện tập, làm cơ sở để sửa sai. Sự chính xác và tính thống nhất cao ở các lần tập ngắm bao gồm cả việc xác định đường ngắm cơ bản, điểm ngắm đúng và đường ngắm đúng. *– Khi tập ngắm chụm, sau khi lấy xong đường ngắm, người tập không được chạm vào súng, vì:* Vì nếu chạm vào súng thì sẽ làm thay đổi đường ngắm, các lần ngắm tiếp theo sẽ không thống nhất với lần ngắm đầu tiên, do đó sẽ không đánh giá đúng kết quả tập luyện tập của người học. *– Em hãy nêu cách xác định điểm chạm trung bình của ba điểm chạm:* Người phục vụ dùng thước nối hai điểm gần nhất với nhau, rồi chia đoạn thẳng ra thành hai phần bằng nhau. Tiếp tục nối điểm giữa của hai điểm trên (ĐCTB của hai điểm chạm) với điểm thứ ba, chia đoạn thẳng vừa nối thành ba phần bằng nhau. Điểm 1/3 gần với ĐCTB của 2 điểm chạm trước là ĐCTB của ba điểm chạm.

2 Tập bắn vào mục tiêu bia số 4

a) Mục tiêu

HS hiểu được ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu và biết thực hành bắn trúng mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình 6.23 trong SGK, lắng nghe và quan sát hành động của đội mẫu để nắm nội dung; trả lời các câu hỏi:

Câu 1: Tại sao khi luyện tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK phải rèn luyện cho người bắn bản lĩnh, tâm lí vững vàng?

Câu 2: Em hãy nêu điều kiện bài bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.

Câu 3: Em hãy cho biết, khi người bắn đã chọn thước ngắm 3 thì phải chọn điểm

ngắm ở đâu để có thể bắn trúng vào mục tiêu. Vì sao?

c) Sản phẩm

HS nêu được ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu và biết thực hành bắn trúng mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK; trả lời được các câu hỏi của GV.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 6.23 trong SGK và theo dõi hành động của đội mẫu; trả lời câu hỏi. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* – GV nêu ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu của tập bắn vào mục tiêu bia số 4. – GV thuyết trình kết hợp chỉ trên sơ đồ về điều kiện bài bắn. – GV thuyết trình kết hợp chỉ trên bia về cách chọn thước ngắm, điểm ngắm. – GV sử dụng đội mẫu đã được bồi dưỡng trước để giới thiệu về cách thực hành tập bắn (tại vị trí chờ đợi, tại vị trí tập bắn); GV thuyết trình đến đâu, đội mẫu hành động đến đó. – HS quan sát nắm hành động của đội mẫu; sẵn sàng trả lời câu hỏi của GV. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* – GV kiểm tra HS về việc nắm hành động của đội mẫu và nêu lần lượt các câu hỏi tương ứng với từng nội dung. Tại sao khi luyện tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK phải rèn luyện cho người bắn bản lĩnh, tâm lí vững vàng? Em hãy nêu điều kiện bài bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK. Em hãy cho biết, khi người bắn đã chọn thước ngắm 3 thì phải chọn điểm ngắm ở đâu để có thể bắn trúng vào mục tiêu. Vì sao? – HS trả lời câu hỏi của GV. *Bước 4. Kết luận, nhận định* GV nhận xét, thống nhất nội dung.	*– Khi luyện tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK phải rèn luyện cho người bắn bản lĩnh, tâm lí vững vàng là vì:* Trong bắn súng bản lĩnh, tâm lí ảnh hưởng rất lớn đến kết quả bắn. Khi luyện tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK phải xây dựng cho người bắn bản lĩnh, tâm lí vững vàng vì đây là lần đầu tiên người học tiếp xúc với súng, đạn nên có tâm lí sợ tiếng nổ, sợ mất an toàn và lo lắng đến thành tích. *– Điều kiện bài bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK* Cự li bắn: 100 m. Tư thế bắn: Nằm bắn có tì. Số lượng đạn: 3 viên. Phương pháp bắn: Phát một. Thời gian bắn: 5 phút (Tính từ khi kết thúc khẩu lệnh "Bắn"). *– Khi người bắn đã chọn thước ngắm 3 thì phải chọn điểm ngắm thấp hơn tâm vòng 10 là 28 cm (thấp hơn điểm chính giữa mép dưới mục tiêu 7 cm), bởi vì:* Đối với thước ngắm 3: Chiều cao đường đạn ở cự li 100 m là 28 cm; chiều cao từ tâm vòng 10 xuống chính giữa mép dưới mục tiêu là 21 cm. Do đó, khi sử dụng thước ngắm 3, chọn điểm ngắm ở chính giữa mép dưới mục tiêu thì điểm chạm sẽ vào vòng 10 trên bia.

Hoạt động 3 Luyện tập

a) Mục tiêu

Củng cố kiến thức lí thuyết bắn; thành thạo động tác bắn tại chỗ, động tác

ngắm chụm, ngắm trúng, chụm vào bia đồng tiền và tập bắn vào mục tiêu bia số 4 chính xác.

b) Nội dung

HS luyện tập theo ý định của GV.

c) Sản phẩm

HS nắm vững kiến thức về lí thuyết bắn; thành thạo động tác bắn tại chỗ, tập bắn vào mục tiêu bia số 4 chính xác.

d) Tổ chức thực hiện

1. Nội dung lí thuyết bắn

Từng người tự nghiên cứu kết hợp trao đổi, thảo luận trong tổ, nhóm học tập.

2. Động tác bắn súng tại chỗ của súng tiểu liên AK

– GV phổ biến ý định luyện tập gồm:

+ Nội dung luyện tập.

+ Thời gian luyện tập.

+ Tổ chức, phương pháp luyện tập:

Tổ chức luyện tập: Luyện tập cá nhân, luyện tập theo nhóm. Phương pháp luyện tập:

Luyện tập cá nhân: Từng người vừa làm, vừa nghiên cứu, tập chậm từng cử động của động tác; tập nhanh dần động tác, tập tổng hợp toàn bộ động tác.

Luyện tập theo nhóm: Nhóm tập trung thành hàng ngang, gọi tên từng người ra tập, có người hô tập và bình tập, cứ như vậy thay nhau hô tập. Tập chậm từng cử động, từng động tác; tập nhanh dần; tập tổng hợp cho đến khi thuần thục động tác.

Cách hô luyện tập: Động tác nằm bắn chuẩn bị, cử động 1, cử động 2, cử động 3.

+ Địa điểm luyện tập: GV chỉ tại thực địa.

+ Kí, tín hiệu luyện tập: Sử dụng còi kết hợp với khẩu lệnh trực tiếp.

– GV duy trì luyện tập, theo dõi, giúp đỡ và sửa tập cho HS trong quá trình luyện tập (thực hiện sai đâu sửa đó).

3. Tập ngắm chụm; ngắm trúng, chụm

– GV phân công các nhóm học tập; hướng dẫn HS làm công tác chuẩn bị.

– GV phổ biến ý định luyện tập gồm; theo dõi, sửa tập cho HS.

– Hết thời gian luyện tập, GV thu đội hình lớp học, kiểm tra quân số, súng, vật chất, nhận xét.

4. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK

– GV hướng dẫn HS bố trí mục tiêu bia số 4 và làm công tác chuẩn bị.

– GV phổ biến ý định luyện tập; theo dõi, sửa tập.

– Hết thời gian luyện tập, GV thu đội hình lớp học, kiểm tra quân số, súng, vật chất, nhận xét.

Khi luyện tập, HS tiến hành tập phân đoạn (có dán điểm dấu trên bia số 4) và tập tổng hợp (bỏ điểm dấu trên bia số 4).

Hoạt động 4 Vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học về kĩ thuật bắn súng tiểu liên AK để hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực đặc thù của kĩ thuật bắn súng.

b) Nội dung

HS thực hiện theo nội dung trong phần vận dụng.

c) Sản phẩm

Việc luyện tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK giúp HS rèn luyện các phẩm chất, năng lực:

Có ý thức học tập, rèn luyện sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu bài học.

Rèn luyện tính kiên nhẫn, khả năng chịu đựng; rèn luyện tính cụ thể, tỉ mỉ, cẩn thận, bình tĩnh, tự tin, quyết đoán,...

Có sức khoẻ tốt, mắt sáng, tinh,...

d) Tổ chức thực hiện

– GV khêu gợi các yêu cầu trong luyện tập bắn súng cần phải có để đáp ứng được với mục tiêu bài học; từ đó HS thấy được những phẩm chất, năng lực có được thông qua bài học.

TÊN BÀI DẠY:

TÌM VÀ GIỮ PHƯƠNG HƯỚNG

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh; lớp: 12 Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

HS khám phá một số kĩ thuật, phương pháp tìm phương hướng; cách giữ phương hướng trong quá trình di chuyển.

2. Về năng lực

Nêu được kĩ thuật, phương pháp tìm và giữ phương hướng trong hoạt động cá nhân.

Biết quan sát và nhận biết được những dấu hiệu, đặc điểm cần thiết trong tìm và giữ phương hướng trong mọi địa hình, điều kiện thời tiết khác nhau.

Tự tìm được phương hướng và không bị lạc đường trong những điều kiện khác nhau.

3. Về phẩm chất

Tích cực, tự giác trong luyện tập nắm chắc kĩ thuật, phương pháp tìm phương hướng. Chủ động nắm chắc phương hướng, đường đi trong các hoạt động của cá nhân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Địa bàn, bản đồ (khu vực học tập); ảnh theo các hình 7.4, 7.8, 7.9, 7.10, 7.11 trong SGK; đồng hồ đeo tay, que nhỏ, gậy, sỏi hoặc đá nhỏ (để xếp chòm sao) và các tài liệu khác có liên quan.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Mở đầu

a) Mục tiêu

Tạo hứng thú cho HS và hướng HS tìm hiểu về cách xác định và giữ phương hướng trong bài học mới.

b) Nội dung

HS đọc thông tin và quan sát hình 7.1 trong SGK kết hợp nghe tình huống GV nêu để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm

HS nêu được cách giải quyết hợp lí nhất, đó là: Hà sẽ bình tĩnh và xác định lại phương hướng, tìm cách ra khỏi vị trí bị lạc và tập trung cùng với đoàn.

d) Tổ chức thực hiện

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình 7.1 trong SGK, kết hợp với nêu tình huống và đặt câu hỏi đối với HS.

– GV gọi HS trả lời và từ đó dẫn dắt vào nội dung bài học mới.

Hoạt động 2 Khám phá

I. TÌM PHƯƠNG HƯỚNG

1. Ý nghĩa

a) Mục tiêu

HS nắm được ý nghĩa của việc tìm phương hướng trong cuộc sống và trong hoạt động quân sự.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, nghe GV phân tích nội dung.

c) Sản phẩm

HS hiểu được ý nghĩa của việc tìm phương hướng trong cuộc sống và trong hoạt động quân sự.

d) Tổ chức thực hiện

GV nêu và phân tích nội dung; lấy dẫn chứng để chứng minh.

2. Kĩ thuật tìm phương hướng

a) Mục tiêu

HS thực hiện được các kĩ thuật, phương pháp tìm phương hướng.

b) Nội dung

HS đọc thông tin và quan sát hình ảnh trong SGK; tham gia thảo luận nhóm để hoàn thành bài tập của GV.

c) Sản phẩm

HS nắm và thực hiện được kĩ thuật, phương pháp tìm phương hướng dựa vào địa bàn, bản đồ, Mặt Trời, Mặt Trăng, Sao, đặc điểm thực vật, các con sông lớn của Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 4 nhóm; giao nhiệm vụ cho các nhóm: Nhóm 1: Xác định phương hướng bằng sử dụng địa bàn, bản đồ. Nhóm 2: Xác định phương hướng bằng Mặt Trời. Nhóm 3: Xác định phương hướng dựa Mặt Trăng và sao. Nhóm 4: Xác định phương hướng dựa vào đặc điểm thực vật.	*a) Sử dụng địa bàn, bản đồ* *– Sử dụng địa bàn* Đặt địa bàn lên vị trí bằng phẳng. Từ từ xoay địa bàn sao cho đầu bắc kim nam châm chỉ vào đúng số "0" trên mặt số địa bàn hoặc đúng vạch chuẩn trên địa bàn thì dừng lại. Ngắm từ khe ngắm qua đầu ngắm ra ngoài thực địa là hướng bắc (với loại địa bàn có cấu tạo bộ phận đầu ngắm, khe ngắm). Khi biết được hướng bắc sẽ tìm được các hướng khác.

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ – Các nhóm chuyên gia đọc thông tin trong SGK và thảo luận theo nhiệm vụ của từng nhóm. – GV theo dõi, giúp đỡ HS làm việc nhóm; hết thời gian làm việc nhóm chuyên gia thì tổ chức HS làm việc nhóm mảnh ghép. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* Tổ chức cho HS chơi trò chơi để kiểm tra kết quả làm việc nhóm của HS.	*– Sử dụng bản đồ* + Định hướng bản đồ dựa vào địa vật dài thẳng Chọn một địa vật dài thẳng (đoạn thẳng) ngoài thực địa dễ quan sát và được thể hiện bằng kí hiệu trên bản đồ như: đoạn đường, bờ sông, suối, mương, đường dây điện, đường ống nước, cạnh tường bao,… Từ từ xoay bản đồ kết hợp mắt quan sát hướng của địa vật dài thẳng (đoạn thẳng) trên bản đồ trùng (khi ta đứng trên địa vật) hoặc song song (khi ta đứng ngoài địa vật) với hướng của địa vật dài thẳng đó ngoài thực địa. + Định hướng bản đồ dựa vào đường phương hướng giữa hai địa vật Chọn được hai địa vật ở cự li gần dễ quan sát ngoài thực địa và có kí hiệu trên bản đồ như: nhà độc lập, cây độc lập, điểm cao,... Nối hai địa vật đã chọn trên thực địa bằng đường thẳng tưởng tượng (đường phương hướng giữa hai địa vật). Đặt cạnh thước (hoặc que thẳng) qua vị trí chính xác của hai địa vật đã chọn trên bản đồ. Từ từ xoay bản đồ, kết hợp mắt quan sát khi thấy cạnh thước (hoặc que thẳng) trùng (khi ta đứng trên đường phương hướng) hoặc song song (khi ta đứng ngoài đường phương hướng) với đường phương hướng giữa hai địa vật ngoài thực địa thì dừng lại. *b) Dựa vào Mặt Trời* *– Dựa vào Mặt Trời và đồng hồ đeo tay* Dùng một que nhỏ (cỡ cây tăm) cắm vuông góc với mặt đất, que sẽ cho một cái bóng. Đặt đồng hồ sao cho bóng của que trùng lên kim chỉ giờ. Đường phân giác của góc hợp bởi kim chỉ giờ và số 12 sẽ cho hướng nam (N), như vậy hướng đối diện là hướng bắc (B). – Dựa vào Mặt Trời và gậy Cắm một cây gậy thẳng, vuông góc xuống mặt đất, đỉnh bóng ban đầu của gậy đánh dấu là T. Đợi khoảng 15 phút sau, bóng gậy sẽ khác đi. Đỉnh bóng của gậy lúc này sẽ đặt là Đ. Nối T với Đ được đoạn thẳng TĐ. Bên T là hướng tây, bên Đ là hướng đông. c*) Dựa vào Mặt Trăng và sao* *– Dựa vào Mặt Trăng* Vào những ngày đầu tháng âm lịch, Mặt Trăng khuyết về hướng đông và những ngày cuối tháng âm lịch, Mặt Trăng khuyết về hướng tây.

Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**

Bước 4. Kết luận, nhận định – GV nhận xét và và thống nhất về các phương pháp tìm phương hướng. – GV định hướng HS về nhà nghiên cứu cách tìm phương hướng dựa vào Sao Kim; dựa vào tập tính của một số động vật; dựa vào dòng chảy của một số sông lớn ở Việt Nam.	*– Dựa vào sao Bắc Cực* Sao Bắc Cực nằm ở gần chính hướng bắc, có vị trí tương đối ổn định, sáng và rõ. Lấy sao Bắc Cực làm chuẩn, kéo một đường thẳng xuống đường chân trời là hướng bắc. Muốn tìm sao Bắc Cực, trước tiên cần phải tìm chòm sao Đại Hùng tinh (gấu lớn) và chòm sao Tiểu Hùng tinh (gấu nhỏ). Đại Hùng tinh giống như một cái muôi to có cán, gồm 7 ngôi sao sáng (hai ngôi dưới cùng gọi là sao A và sao C). Kẻ một đường thẳng tưởng tượng qua 2 ngôi sao A và C, khoảng cách gấp 5 lần AC sang phải là sao Bắc Cực. Tiểu Hùng tinh gồm có 7 ngôi sao, trong đó sao Bắc Cực ở phía dưới cùng (đây là ngôi sao to và rõ nhất trong Tiểu Hùng tinh). d) Dựa vào đặc điểm thực vật Dựa vào mật độ rêu mọc: ở các tảng đá độc lập và các công trình xây dựng lâu năm, rêu thường mọc ở hướng bắc nhiều hơn các hướng khác. Dựa vào sự phát triển của cây độc lập: ở cây độc lập, tán lá ở hướng nam thường xanh tốt và phát triển nhanh hơn các hướng khác. Vỏ cây ở hướng bắc thường xù xì và nhiều rêu hơn các hướng khác. Ở những gốc cây bị cưa, vòng tròn lõi cây (vòng tuổi của cây) ở hướng nam rộng hơn hướng bắc. Măng tre, mầm chuối thường mọc ở hướng đông nhiều và to hơn các hướng khác. Hoa hướng dương thường quay về hướng đông.

II. GIỮ PHƯƠNG HƯỚNG

1. Ý nghĩa

a) Mục tiêu

HS nắm được ý nghĩa của việc giữ phương hướng trong cuộc sống và trong hoạt động quân sự.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, nghe GV phân tích nội dung.

c) Sản phẩm

HS hiểu được ý nghĩa của việc giữ phương hướng trong cuộc sống và trong hoạt động quân sự.

d) Tổ chức thực hiện

GV nêu và phân tích nội dung; lấy dẫn chứng để chứng minh.

2. Cách giữ phương hướng

a) Mục tiêu

HS nắm được cách giữ phương hướng, cách xử trí khi bị lạc hướng trong quá trình di chuyển.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm và thực hành bài tập do GV hướng dẫn.

c) Sản phẩm

HS biết cách giữ phương hướng, cách xử trí khi bị lạc hướng trong quá trình di chuyển ở những điều kiện khác nhau.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK; thực hành bài tập của GV. Bài tập: Xác định đường từ trường đến ban chỉ huy quân sự huyện (hoặc một vị trí nào đó dễ xác định), gồm mấy chặng, hướng đi và vật chuẩn trên từng chặng; biện pháp để không bị lạc khi di chuyển từ trường đến điểm đó. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* – Các nhóm đọc thông tin trong SGK và thảo luận nhóm. – HS thực hành bài tập của GV trên bản đồ giấy hoặc bản đồ google map. – GV theo dõi, giúp đỡ HS. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* – Đại diện các nhóm trình bày kết quả của nhóm mình; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. – Sau khi GV thống nhất cách giữ phương hướng, cách xử trí khi bị lạc trong khi di chuyển thì các nhóm thực hành bài tập của GV; báo cáo kết quả hoàn thành bài tập. *Bước 4. Kết luận, nhận định* – GV nhận xét và thống nhất về cách giữ phương hướng, cách xử trí khi bị lạc hướng khi di chuyển. – GV phân tích, thống nhất kết quả hoàn thành bài tập của từng nhóm.	– *Trước khi di chuyển* Nắm chắc điểm định đến, cự li, đường và hướng đi từng chặng (nếu phải đi nhiều chặng); đặc điểm, vật chuẩn trên đường đi. Chuẩn bị đầy đủ, tỉ mỉ mọi thứ cần thiết (địa bàn, bản đồ,...) để xác định và giữ phương hướng được thuận lợi. – *Quá trình di chuyển* Thường xuyên xác định và nắm chắc phương hướng, địa hình, vật chuẩn, những nơi phát ra ánh sáng, tiếng động để xác định đường, hướng di chuyển chính xác. Dựa vào các vật chuẩn dễ nhìn thấy (đỉnh núi, cây độc lập,...) và hướng chuẩn để đi đúng hướng; ghi nhớ hoặc đánh dấu những vị trí, hướng đã đi qua, nhất là ở những nơi dễ bị lạc. Nếu có nhiều người cùng đi, cần phải bám sát người đi trước hoặc theo dõi đường đi, dấu vết, vật đánh dấu chỉ đường của người đi trước để đi theo. Nếu ở trong rừng, hãy xác định một đường thẳng tưởng tượng xuyên qua một số vật chuẩn dễ nhận thấy (gốc cây, tảng đá,...) để đi tới từng điểm chuẩn. Trường hợp sương mù, ban đêm không nhìn thấy vật chuẩn cần dùng địa bàn (nếu có) chiếu hướng đi từng chặng nhỏ; cúi thấp người để dễ quan sát các vật chuẩn. Khi gặp vật cản (ao, hồ, đầm lầy, khu công nghiệp,...) cần căn cứ vào tình hình để vòng vượt hoặc rẽ góc vuông, rẽ theo hình tam giác cân kết hợp tính cự li (đếm bước chân,...) để vượt qua vật cản. – *Cách xử lí khi bị lạc hướng* Bình tĩnh và xác định lại chính xác vị trí bắt đầu lạc hướng, nhớ lại đặc điểm địa hình, địa vật nơi đã đi qua. Có thể quay lại vị trí bắt đầu bị lạc rồi xác định lại hướng đi hoặc xác định hướng đi tại điểm bị lạc để đi tắt đến đường cũ hay đi thẳng đến nơi cần đến. Nếu lạc ở trong rừng, cần xác định phương hướng bằng Mặt Trời, hướng gió, sự phát triển của cây độc lập,... và có thể đi theo đường mòn, dòng suối,... để ra khỏi khu vực bị lạc. Ban đêm có thể dựa vào Mặt Trăng và sao hoặc nơi phát ra ánh sáng, tiếng động để xác định phương hướng.

Hoạt động 3. Luyện tập

a) Mục tiêu

HS củng cố kiến thức đã học về tìm và giữ phương hướng trong những điều kiện khác nhau.

b) Nội dung

HS thực hành các bài tập tìm và giữ phương hướng do GV hướng dẫn, gồm:

– Luyện tập xác định phương hướng dựa và Mặt Trời và đặc điểm thực vật, tập tính sinh hoạt một số động vật có ở vị trí học tập; về nhà luyện tập xác định phương hướng dựa vào Mặt Trăng và sao.

– Thực hành xác định đường từ trường đến ban chỉ huy quân sự huyện (hoặc một nơi khác dễ xác định); xác định số chặng, phương hướng từng chặng, đặc điểm và các vật chuẩn trên đường đi bằng bản đồ giấy hoặc google map.

c) Sản phẩm

HS xác định được phương hướng dựa vào Mặt Trời, dựa vào đặc điểm thực vật và tập tính của một số động vật; hoàn thành được bài tập của GV giao.

d) Tổ chức thực hiện

– Nội dung luyện tập thứ nhất GV tổ chức cho HS thực hiện ngay sau khi học xong nội dung của mục I. Kĩ thuật tìm phương hướng.

– Nội dung luyện tập thứ hai GV tổ chức cho HS thực hiện sau khi học xong nội dung của mục II. Giữ phương hướng.

Hoạt động 4 Vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học để xác định phương hướng từng chặng trên quãng đường từ nhà đến trường; hoặc địa điểm tương tự.

b) Nội dung

HS vẽ ra giấy về hướng đi từng chặng từ nhà đến trường.

c) Sản phẩm

HS nắm được phương hướng từng chặng từ nhà đến trường.

d) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS khi đi học hình dung ra từng chặng và vẽ vào giấy, hoặc sử dụng bản đồ để xác định phương hướng từng chặng; chia sẻ với mọi người trong lớp về kết quả.

TÊN BÀI DẠY:

VẬN DỤNG CÁC TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC CƠ BẢN KHI VẬN ĐỘNG TRONG CHIẾN ĐẤU

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh; lớp: 12 Thời gian thực hiện: 03 tiết

I MỤC TIÊU

1 Về kiến thức

Nêu được ý nghĩa, yêu cầu, các nguyên tắc vận động vào gần địch trên một số loại địa hình làm cơ sở học kĩ thuật, chiến thuật cá nhân và vận dụng trong chiến đấu.

2 Về năng lực

Biết vận dụng được các nội dung đã học để vận dụng trong các tình huống địa hình khác nhau, nhằm tiêu diệt địch, hoàn thành nhiệm vụ.

3 Về phẩm chất

Thực hành được các động tác kĩ thuật phù hợp với các loại địa hình, địa vật trong các tình huống diễn ra.

Xây dựng ý thức, thái độ nghiêm túc trong học tập. Không ngại khó, ngại bẩn.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

SGK và các tài liệu liên quan đến nội dung học tập.

Súng tiểu liên AK (CKC), bia số 6, số 7, cờ địch, cờ chỉ huy, còi. Bãi tập: Vị trí lên lớp và các vị trí cho HS luyện tập.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

– GV nhận lớp; tiến hành công tác kiểm tra; quy định vị trí đặt vật chất; tổ chức khám súng; chấn chỉnh đội hình.

– GV quy định chấp hành kỉ luật học tập; giữ gìn vệ sinh chung.

– GV phổ biến quy tắc sử dụng vũ khí, trang bị; quy tắc bảo đảm an toàn.

– GV phổ biến kí, tín hiệu luyện tập và quy ước tượng trưng.

+ Phổ biến kí, tín hiệu luyện tập:

Tín hiệu bắt đầu tập: Một hồi còi kết hợp cờ đỏ, cờ xanh giơ cao trên đầu và khẩu lệnh "Bắt đầu tập".

Tín hiệu dừng tập: Hai hồi còi kết hợp cờ đỏ (hoặc cờ xanh) chỉ vào bộ phận nào, cá nhân nào thì bộ phận đó, cá nhân đó dừng tập.

Tín hiệu thôi tập: Ba hồi còi kết hợp cờ đỏ, cờ xanh quay trên đầu và khẩu lệnh "Thôi tập".

Điều khiển tập: Cờ đỏ điều khiển cá nhân tập, bộ phận tập; Cờ xanh điều khiển quân xanh, người phục vụ; Dịch chuyển theo hướng cờ phất.

+ Quy ước tượng trưng:

Bia số 6: Tượng trưng cho 1 — 2 tên địch.

Bia số 7: Tượng trưng cho tốp địch từ 3 — 5 tên. Bia số 10: Tượng trưng hoả điểm súng máy địch. Mõ quay: Tượng trưng cho hoả lực địch bắn.

Bia, mõ bố trí ở vị trí nào thể hiện cho lực lượng của địch tương ứng đang triển khai ở vị trí đó.

Còi thổi hai tiếng liên tục tượng trưng cho hoả lực của ta bắn.

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

Tạo sự tò mò và kích thích HS tìm hiểu nguyên tắc, cách vận dụng các tư thế động tác cơ bản khi vận động trong chiến đấu ở một số điều kiện cụ thể ở bài học mới.

b) Nội dung

HS huy động kiến thức để trả lời các câu hỏi: *Theo em, trong chiến đấu khi gặp các vật che khuất, che đỡ tương tự như trong hình 8.1, chiến sĩ có thể sử dụng những động tác nào để vận động tiếp cận gần địch?*

c) Sản phẩm

HS nêu được các động tác có thể vận dụng để che giấu hành động chiến đấu, dùng vũ khí tiêu diệt địch và bảo vệ mình.

d) Tổ chức thực hiện

GV nêu câu hỏi và yêu cầu HS trả lời; nhận xét và định hướng HS vào bài học mới.

Hoạt động 2: Khám phá

– GV giới thiệu địa hình, nội dung gồm:

+ Điểm đứng: Đông (Tây, Nam, Bắc,...), điểm cao (bình độ): ....

+ Phương hướng: Chỉ tại thực địa.

+ Địa hình: Điểm cao (bình độ); đường; làng bản,...

– GV thống nhất hướng địch.

I. Ý NGHĨA, YÊU CẦU, THỜI CƠ VẬN ĐỘNG

1. Ý nghĩa, yêu cầu

a) Mục tiêu

HS nắm được ý nghĩa, yêu cầu làm cơ sở học tập các nội dung tiếp theo.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: *Tại sao khi vận động trong chiến đấu chiến sĩ phải nắm chắc tình hình địch, địa hình, địa vật?*

c) Sản phẩm

Đây là yêu cầu quan trọng quyết định đến hành động của chiến sĩ vì nắm chắc địch, địa hình mới bảo đảm cho chiến sĩ vận dụng các tư thế động tác tiếp cận gần tiêu diệt địch hoàn thành nhiệm vụ được giao.

d) Tổ chức thực hiện

– GV nêu ý nghĩa.

– GV nêu các yêu cầu.

+ Phân tích yêu cầu 1: "Nắm chắc tình hình địch, địa hình, địa vật".

Ý nghĩa:

GV nêu câu hỏi: Tại sao khi vận động trong chiến đấu chiến sĩ phải nắm chắc tình hình địch, địa hình, địa vật?

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1 − 2 HS trả lời câu hỏi.

GV nhận xét, kết luận: Đây là yêu cầu quan trọng quyết định đến hành động của chiến sĩ vì nắm chắc địch, địa hình mới bảo đảm cho chiến sĩ vận dụng các tư thế, động tác tiếp cận gần tiêu diệt địch hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Nội dung:

Nắm chắc tình hình địch: Mục tiêu đánh chiếm, mục tiêu liên quan, vũ khí phương tiện địch sử dụng, thủ đoạn hoạt động, nơi sơ hở.

Nắm chắc tình hình địa hình, địa vật: địa hình có giá trị, có thể lợi dụng để cơ động, ẩn nấp.

Biện pháp:

Triệt để lợi dụng địa hình, địa vật; tích cực quan sát địch, địa hình. Nắm chắc thông báo, bổ sung của cấp trên về tình hình địch, địa hình. Định hướng cho HS phân tích các yêu cầu còn lại

2. Thời cơ vận động

a) Mục tiêu

HS nắm được thời cơ vận động làm cơ sở học tập các nội dung tiếp theo.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: *Em hãy trình bày thời cơ vận động.*

c) Sản phẩm

Khi có nhiều tiếng động ồn ào, bom đạn nổ, màn khói, cát bụi dày đặc,...
Khi địch không chú ý về hướng ta vận động.
Địa hình, địa vật kín đáo, thời tiết thuận lợi để ta vận động. Khi có lệnh của người chỉ huy.

d) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK; nêu câu hỏi và gọi HS trả lời. Nhận xét; thống nhất nội dung.

II. VẬN DỤNG TRONG MỘT SỐ TÌNH HUỐNG, ĐỊA HÌNH KHÁC NHAU

1. Vận động dưới hoả lực bắn thẳng của địch

a) Mục tiêu

HS nắm được hành động của chiến sĩ khi vận động dưới hoả lực địch làm cơ sở học tập các nội dung tiếp theo.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK; theo dõi nắm động tác làm mẫu của GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện được động tác vận động dưới hoả lực bắn thẳng của địch *(ở cột yêu cầu cần đạt).*

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình trong SGK và theo dõi, nắm động tác làm mẫu của GV. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* – GV nêu tên nội dung huấn luyện và thời gian + Vận động dưới hoả lực bắn thẳng của địch. + Thời gian: 15 phút. – GV giảng nguyên tắc + GV hướng dẫn HS đọc thông tin + GV yêu cầu HS chuẩn bị nội dung câu hỏi: Trong trường hợp vật lợi dụng thấp, không che khuất được hành động người chiến sĩ phải làm gì? (GV có thể hỏi các câu hỏi khác phù hợp với nội dung học tập). + GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1 — 2 HS trả lời. + GV nhận xét ý kiến của HS. + GV kết luận câu hỏi: Nếu vật lợi dụng thấp, không che kín được hành động, chiến sĩ có thể nghi binh lừa địch như dừng lại một chỗ, cắm cành lá hoặc để các vật mà địch nghi ngờ có ta, rồi bí mật, nhanh chóng vận động sang địa hình, địa vật khác để ẩn nấp hoặc sử dụng súng tiêu diệt địch.	– Trước khi vận động: Phải nắm chắc tình hình địch, địa hình, địa vật để xác định đường vận động, thời cơ vận động. – Khi vận động: Tuỳ theo địa hình để sử dụng các động tác cho phù hợp như vọt tiến, chạy khom, bò, lê trườn (Hình 8.2), lăn. – Nếu vật lợi dụng thấp, không che kín được hành động, chiến sĩ có thể nghi binh lừa địch như dừng lại một chỗ, cắm cành lá hoặc để các vật mà địch nghi ngờ có ta, rồi bí mật, nhanh chóng vận động sang địa hình, địa vật khác để ẩn nấp hoặc sử dụng súng tiêu diệt địch.

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**

– GV nêu tình huống, gồm: + Thời gian tác chiến: .... + Về địch: Ở ... thỉnh thoảng bắn ra ... + Về ta: Chiến sĩ số 6 ở ... được lệnh của tổ trưởng vận động tới ... nhận nhiệm vụ nắm chắc tình hình địch, địa hình ở ... kịp thời báo cáo. – GV bàn cách xử trí, kết luận và hướng dẫn hành động + GV bàn cách xử trí. GV có thể nêu các câu hỏi như: Trước khi vận động chiến sĩ phải làm gì? Khi vào tới vật ẩn nấp phải làm gì? Khi địch dùng hoả lực uy hiếp chiến sĩ phải làm gì? Chỉ định 2 − 3 HS trả lời câu hỏi. GV nhận xét, kết luận theo phương án đã chuẩn bị. + GV kết luận và hướng dẫn hành động. GV kết luận bằng lời: Trước khi vận động: Chiến sĩ số 6 phải nắm chắc tình hình địch, địa hình, địa vật để xác định đường vận động, thời cơ vận động. Khi vận động: Tuỳ theo địa hình để sử dụng các động tác cho phù hợp như vọt tiến, chạy khom, bò, lê, trườn,... Khi vào tới nơi ẩn nấp: Nhanh chóng lợi dụng địa hình, địa vật và quan sát địch. GV kết luận mẫu động tác qua 2 bước: Bước 1: Làm nhanh sát thực tế chiến đấu Bước 2: Làm chậm phân tích *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* HS trả lời câu hỏi hoặc thực hiện động tác theo yêu cầu của GV thông qua việc quan sát động tác mẫu. *Bước 4. Kết luận, nhận định* – GV nhận xét câu trả lời hoặc động tác thực hành của HS. – GV tổ chức luyện tập: Thời gian còn lại tổ chức cho HS luyện tập. + GV phổ biến ý định luyện tập. + GV triển khai luyện tập, duy trì sửa tập. + Hết thời gian thu đội hình nhận xét.	– Khi vào tới nơi ẩn nấp: Nhanh chóng lợi dụng địa hình, địa vật và quan sát địch. – Nếu địa hình lợi dụng để bắn gặp khó khăn, phải dừng lại ở đó lâu, cần sửa chữa, làm công sự ẩn nấp và chiến đấu. – Khi sử dụng vũ khí tiêu liệt địch không nên ở lâu một vị trí, sau khi bắn 1 đến 2 loạt phải di chuyển sang vị trí ẩn nấp mới.

2. Vận động dưới hoả lực không quân, pháo binh, súng cối của địch

a) Mục tiêu

HS nắm được hành động của chiến sĩ khi vận động dưới hoả lực không quân pháo binh, súng cối của địch làm cơ sở học tập các nội dung tiếp theo.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK; theo dõi nắm động tác làm mẫu của GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện được động tác vận động dưới hoả lực không quân, pháo binh, súng cối của địch *(ở cột yêu cầu cần đạt).*

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình trong SGK và theo dõi, nắm động tác làm mẫu của GV. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* – GV nêu tên nội dung huấn luyện và thời gian + Vận động dưới hoả lực không quân, pháo binh, súng cối của địch. + Thời gian: 15 phút. – GV giảng nguyên tắc. + GV cho HS chuẩn bị nội dung câu hỏi: Khi địch dùng hoả lực pháo binh, súng cối, phóng lựu khống chế đường vận động hành động của chiến sĩ như thế nào? (GV có thể hỏi các câu hỏi khác phù hợp với nội dung học tập). + GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1 − 2 HS trả lời. + GV nhận xét ý kiến của HS. + GV kết luận: Khi địch dùng hoả lực không quân, pháo binh, súng cối, súng phóng lựu khống chế đường vận động, chiến sĩ sử dụng động tác chạy, vọt tiến, để nhanh chóng vượt qua khu vực bắn phá của địch. Quá trình vận động triệt để lợi dụng địa hình, địa vật che đỡ như gốc cây, ụ đất, bờ tường, mương máng, khe rãnh để bảo đảm an toàn. – GV nêu tình huống, gồm: + Thời gian tác chiến: ... + Về địch: Hoả lực địch ở ... thỉnh thoảng bắn ra ... + Về ta: Chiến sĩ số 6 đang vận động tới bờ đất nhận lệnh của tổ trưởng, bất ngờ địch sử dụng pháo cối bắn vào hướng đường vận động của chiến sĩ. – GV bàn cách xử trí, kết luận và hướng dẫn hành động + GV bàn cách xử trí. GV có thể nêu các câu hỏi như: Khi địch dùng hoả lực pháo binh khống chế đường vận động, chiến sĩ phải làm gì? Khi ẩn nấp hành động của chiến sĩ như thế nào? Chỉ định 2 − 3 HS trả lời câu hỏi.	– Khi địch dùng hoả lực không quân, pháo binh, súng cối, súng phóng lựu khống chế đường vận động, chiến sĩ sử dụng động tác chạy, vọt tiến, để nhanh chóng vượt qua khu vực bắn phá của địch. Quá trình vận động triệt để lợi dụng địa hình, địa vật che đỡ như gốc cây, ụ đất, bờ tường, mương máng, khe rãnh để bảo đảm an toàn. Khi ẩn nấp dùng tư thế thấp, áp sát người vào thành, vách của bờ tường (Hình 8.3), giao thông hào,... hoặc nằm sát xuống mương, máng, hào, rãnh về phía có hoả lực địch.

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**

GV nhận xét. + GV kết luận và hướng dẫn hành động. GV kết luận bằng lời: Khi địch dùng pháo binh khống chế đường vận động, chiến sĩ số 6 sử dụng động tác chạy, vọt tiến, để nhanh chóng vượt qua khu vực bắn phá của địch. Quá trình vận động triệt để lợi dụng địa hình, địa vật che đỡ như gốc cây, ụ đất để bảo đảm an toàn. Khi ẩn nấp chiến sĩ số 6 dùng tư thế thấp, áp sát người vào bờ đất tránh hoả lực địch. GV kết luận mẫu động tác qua 2 bước: Bước 1: Làm nhanh sát thực tế chiến đấu Bước 2: Làm chậm phân tích *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* HS trả lời câu hỏi hoặc thực hiện động tác theo yêu cầu của GV thông qua việc quan sát động tác mẫu. *Bước 4. Kết luận, nhận định* – GV nhận xét câu trả lời hoặc động tác thực hành của HS. – GV tổ chức luyện tập: Thời gian còn lại tổ chức cho HS luyện tập. + GV phổ biến ý định luyện tập. + GV triển khai luyện tập, duy trì sửa tập. + Hết thời gian thu đội hình nhận xét.	– Khi muốn di chuyển sang vị trí khác thường tận dụng khoảng cách giữa 2 loạt đạn nổ hoặc lúc hoả lực chuyển làn để vận động.

3. Vận động bí mật đến gần địch trong một số địa hình

* ***Vận động qua địa hình nhiều cây cối rậm rạp***

a) Mục tiêu

HS nắm được hành động của chiến sĩ khi vận động qua địa hình nhiều cây cối rậm rạp làm cơ sở học tập các nội dung tiếp theo.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình trong SGK; theo dõi nắm động tác làm mẫu của GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện được động tác vận động qua địa hình nhiều cây cối rậm rạp *(ở cột yêu cầu cần đạt).*

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình trong SGK và theo dõi, nắm động tác làm mẫu của GV. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* – GV nêu tên nội dung và thời gian + Vận động qua địa hình nhiều cây cối rậm rạp. + Thời gian: 15 phút.	Địa hình nhiều cây cối rậm rạp, tiện lợi dụng để giấu kín hành động khi vận động, tạm dừng nhưng cũng dễ bị rung động và phát ra tiếng động khi vượt qua hoặc lợi dụng để ẩn nấp.

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**

– GV giảng nguyên tắc. + GV hướng dẫn HS đọc thông tin. + GV cho HS chuẩn bị nội dung câu hỏi: Khi vận động qua địa hình trống trải hoặc không kín đáo, hành động của chiến sĩ như thế nào? (GV có thể hỏi các câu hỏi khác phù hợp với nội dung học tập). + GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1 − 2 HS trả lời. + GV nhận xét ý kiến của HS. + GV kết luận: Thường vận dụng động tác đi, chạy, vọt tiến, lê, bò. Tranh thủ thời cơ thuận lợi, khi địch không chú ý, sương mù, màn binh, lừa địch chú ý nơi khác để nhanh chóng vượt qua. Ban ngày, có thể dùng tư thế phù hợp, động tác khéo léo, thận trọng để vượt qua. Ban đêm, có thể nguỵ trang cả hình dạng, dùng tư thế thấp, thu nhỏ tiết diện cơ thể, tiến thẳng về hướng địch, người không nhấp nhô, qua lại. – GV nêu tình huống + Thời gian tác chiến: ... + Về địch: Ở ... đang tăng cường quan sát ra khu vực xung quanh. + Về ta: Chiến sĩ số 6 đang ở ... lệnh của tổ trưởng chiến sĩ số 6 lợi dụng địa hình tiến về phía trước. – GV bàn cách xử trí, kết luận và hướng dẫn hành động + Bàn cách xử trí. GV có thể nêu các câu hỏi như: Chiến sĩ vận dụng động tác nào để tiến về phía trước? Chỉ định 1 − 2 HS trả lời câu hỏi. GV nhận xét. + Kết luận và hướng dẫn hành động. GV kết luận bằng lời. Chiến sĩ số 6 sử dụng động tác đi khom cao để tiến. GV kết luận mẫu động tác qua 2 bước: Bước 1: Làm nhanh sát thực tế chiến đấu. Bước 2: Làm chậm phân tích. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* HS trả lời câu hỏi hoặc thực hiện động tác theo yêu cầu của GV thông qua việc quan sát động tác mẫu. *Bước 4. Kết luận, nhận định* – GV nhận xét câu trả lời hoặc động tác thực hành của HS. – GV tổ chức luyện tập: Thời gian còn lại tổ chức cho HS luyện tập. + GV phổ biến ý định luyện tập. + GV triển khai luyện tập, duy trì sửa tập. + Hết thời gian thu đội hình nhận xét.	Động tác vận dụng: Thường vận dụng động tác đi thường hoặc đi khom. Khi vận động qua địa hình này phải nhẹ nhàng, thận trọng để vượt qua.

**** Vận động qua địa hình trống trải hoặc không kín đáo***

a) Mục tiêu

HS nắm được hành động của chiến sĩ khi vận động qua địa hình trống trải hoặc không kín đáo làm cơ sở học tập các nội dung tiếp theo.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình trong SGK; theo dõi nắm động tác làm mẫu của GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện được động tác vận động qua địa hình trống trải hoặc không kín đáo *(ở cột yêu cầu cần đạt).*

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình trong SGK và theo dõi, nắm động tác làm mẫu của GV. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* – GV nêu tên nội dung và thời gian + Vận động qua địa hình trống trải hoặc không kín đáo. + Thời gian: 15 phút. – GV giảng nguyên tắc. + GV hướng dẫn HS đọc thông tin. + GV cho HS chuẩn bị nội dung câu hỏi: Khi vận động qua địa hình trống trải hoặc không kín đáo hành động của chiến sĩ như thế nào? (GV có thể hỏi các câu hỏi khác phù hợp với nội dung học tập). + GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1 − 2 HS trả lời. + GV nhận xét ý kiến của HS. + GV kết luận: Thường vận dụng động tác đi, chạy, vọt tiến, lê, bò. Tranh thủ thời cơ thuận lợi, khi địch không chú ý, sương mù, màn binh, lừa địch chú ý nơi khác để nhanh chóng vượt qua. Ban ngày, có thể dùng tư thế phù hợp, động tác khéo léo, thận trọng để vượt qua. Ban đêm, có thể nguỵ trang cả hình dạng, dùng tư thế thấp, thu nhỏ tiết diện cơ thể, tiến thẳng về hướng địch, người không nhấp nhô, qua lại. – GV nêu tình huống + Thời gian tác chiến: 05.30 - N. + Về địch: Ở ... đang tăng cường quan sát ra khu vực xung quanh. + Về ta: Chiến sĩ số 6 đang vận động qua bãi đất trống tới bờ đất nhận lệnh của tổ trưởng bất ngờ địch ở ... sử dụng súng tiểu liên M4 bắn về hướng vận động của chiến sĩ. – GV bàn cách xử trí, kết luận và hướng dẫn hành động + Bàn cách xử trí.	Địa hình trống trải hoặc không kín đáo là địa hình khi ta vận động qua, địch có thể nhìn thấy như bãi phẳng, mặt đường, đồi trọc, vườn cây thưa,... Động tác vận dụng: Thường vận dụng động tác đi, chạy, vọt tiến (Hình 8.4), lê (Hình 8.5), bò. Tranh thủ thời cơ thuận lợi, khi địch không chú ý, sương mù, màn khói bụi dày đặc che mắt địch, nhanh chóng vượt qua hoặc dùng thủ đoạn nghi binh, lừa địch chú ý nơi khác để nhanh chóng vượt qua.

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**

GV có thể nêu các câu hỏi như: Khi địch dùng hoả lực bắn khống chế đường vận động, chiến sĩ số 6 phải làm gì? Chỉ định 1 − 2 HS trả lời câu hỏi. GV nhận xét. + Kết luận và hướng dẫn hành động. GV kết luận bằng lời. Khi địch bắn về hướng hành động, chiến sĩ số 6 sử dụng động tác vọt tiến, để nhanh chóng vượt qua. GV kết luận mẫu động tác qua 2 bước: Bước 1: Làm nhanh sát thực tế chiến đấu. Bước 2: Làm chậm phân tích. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* HS trả lời câu hỏi hoặc thực hiện động tác theo yêu cầu của GV thông qua việc quan sát động tác mẫu. *Bước 4. Kết luận, nhận định* – GV nhận xét câu trả lời hoặc động tác thực hành của HS. – GV tổ chức luyện tập: Thời gian còn lại tổ chức cho HS luyện tập. + GV phổ biến ý định luyện tập. + GV triển khai luyện tập, duy trì sửa tập. + Hết thời gian thu đội hình nhận xét.	Địa hình trống trải hoặc không kín đáo là địa hình khi ta vận động qua, địch có thể nhìn thấy như bãi phẳng, mặt đường, đồi trọc, vườn cây thưa,... Động tác vận dụng: Thường vận dụng động tác đi, chạy, vọt tiến (Hình 8.4), lê (Hình 8.5), bò. Tranh thủ thời cơ thuận lợi, khi địch không chú ý, sương mù, màn khói bụi dày đặc che mắt địch, nhanh chóng vượt qua hoặc dùng thủ đoạn nghi binh, lừa địch chú ý nơi khác để nhanh chóng vượt qua. Ban ngày, có thể dùng tư thế phù hợp, động tác khéo léo, thận trọng để vượt qua. Ban đêm, có thể nguỵ trang cả hình dạng, dùng tư thế thấp, thu nhỏ tiết diện cơ thể, tiến thẳng về hướng địch, người không nhấp nhô, qua lại.

* ***Vận động qua địa hình dễ phát ra tiếng động***

a) Mục tiêu

HS nắm được hành động của chiến sĩ khi vận động qua địa hình dễ phát ra tiếng động làm cơ sở học tập các nội dung tiếp theo.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình trong SGK; theo dõi nắm động tác làm mẫu của GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện được động tác vận động qua địa hình dễ phát ra tiếng động *(ở cột yêu cầu cần đạt)*.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình trong SGK và theo dõi, nắm động tác làm mẫu của GV. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* – GV nêu tên nội dung và thời gian + Vận động qua địa hình dễ phát ra tiếng động. + Thời gian: 15 phút. – GV giảng nguyên tắc. + GV hướng dẫn HS đọc thông tin. + GV cho HS chuẩn bị nội dung câu hỏi: Khi vận động qua địa hình dễ phát ra tiếng động hành động của chiến sĩ như thế nào? (GV có thể hỏi các câu hỏi khác phù hợp với nội dung học tập). + GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1 − 2 HS trả lời. + GV nhận xét ý kiến của HS. + GV kết luận: Khi vận động qua những nơi dễ phát ra tiếng động như: nhiều sỏi đá, gạch vụn, cành khô, lá mục, nơi có súc vật, côn trùng, hành động phải nhẹ nhàng, thận trọng, tìm chỗ đặt chân thật vững mới từ từ nhấc chân sau lên tiếp tục tiến, bảo đảm tư thế vững chắc không bị vấp ngã và phát ra tiếng động mạnh. – GV nêu tình huống + Thời gian tác chiến: ... + Về địch: Ở ... đang tăng cường quan sát ra khu vực xung quanh. + Về ta: Chiến sĩ số 6 đang ở ... lệnh của tổ trưởng chiến sĩ số 6 lợi dụng địa hình tiến về phía trước. – GV bàn cách xử trí, kết luận và hướng dẫn hành động GV có thể nêu các câu hỏi như: Chiến sĩ vận dụng động tác nào để tiến về phía trước? GV chỉ định 1 − 2 HS trả lời câu hỏi. GV nhận xét. – GV kết luận và hướng dẫn hành động. + GV kết luận bằng lời. Chiến sĩ số 6 sử dụng động tác bò cao để tiến + GV kết luận mẫu động tác qua 2 bước: Bước 1: Làm nhanh sát thực tế chiến đấu. Bước 2: Làm chậm phân tích. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận* HS trả lời câu hỏi hoặc thực hiện động tác theo yêu cầu của GV thông qua việc quan sát động tác mẫu.	Khi vận động qua những nơi dễ phát ra tiếng động như: nhiều sỏi đá, gạch vụn, cành khô, lá mục, nơi có súc vật, côn trùng, hành động phải nhẹ nhàng, thận trọng, tìm chỗ đặt chân thật vững mới từ từ nhấc chân sau lên tiếp tục tiến, bảo đảm tư thế vững chắc không bị vấp ngã và phát ra tiếng động mạnh.

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**

Bước 4. Kết luận, nhận định – GV nhận xét câu trả lời hoặc động tác thực hành của HS. – GV tổ chức luyện tập: Thời gian còn lại tổ chức cho HS luyện tập. + GV phổ biến ý định luyện tập. + GV triển khai luyện tập, duy trì sửa tập. + Hết thời gian thu đội hình nhận xét.	Khi vận động qua những nơi dễ phát ra tiếng động như: nhiều sỏi đá, gạch vụn, cành khô, lá mục, nơi có súc vật, côn trùng, hành động phải nhẹ nhàng, thận trọng, tìm chỗ đặt chân thật vững mới từ từ nhấc chân sau lên tiếp tục tiến, bảo đảm tư thế vững chắc không bị vấp ngã và phát ra tiếng động mạnh.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu

HS luyện tập thành thạo động tác: Vận động dưới hoả lực bắn thẳng của địch; Vận động dưới hoả lực không quân, pháo binh, súng cối của địch; Vận động qua địa hình nhiều cây cối rậm rạp; Vận động qua địa hình trống trải hoặc không kín đáo; Vận động qua địa hình dễ phát ra tiếng động.

b) Nội dung

HS thực hành luyện tập động tác: Vận động dưới hoả lực bắn thẳng của địch; Vận động dưới hoả lực không quân, pháo binh, súng cối của địch; Vận động qua địa hình nhiều cây cối rậm rạp; Vận động qua địa hình trống trải hoặc không kín đáo; Vận động qua địa hình dễ phát ra tiếng động theo ý định của GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện thành thạo động tác: Vận động dưới hoả lực bắn thẳng của địch; Vận động dưới hoả lực không quân, pháo binh, súng cối của địch; Vận động qua địa hình nhiều cây cối rậm rạp; Vận động qua địa hình trống trải hoặc không kín đáo; Vận động qua địa hình dễ phát ra tiếng động.

d) Tổ chức thực hiện

GV tổ chức luyện tập các động tác: Vận động dưới hoả lực bắn thẳng của địch; Vận động dưới hoả lực không quân, pháo binh, súng cối của địch; Vận động qua địa hình nhiều cây cối rậm rạp; Vận động qua địa hình trống trải hoặc không kín đáo; Vận động qua địa hình dễ phát ra tiếng động. Cách tổ chức luyện tập từng nội dung như sau:

– Phổ biến ý định luyện tập, gồm:

+ Nội dung luyện tập.

+ Thời gian luyện tập.

+ Tổ chức luyện tập (cá nhân trong đội hình của tổ, lớp).

+ Phương pháp: Luyện tập cá nhân

Từng người tự nghiên cứu, thực hiện động tác: Vận động dưới hoả lực bắn thẳng của địch; Vận động dưới hoả lực không quân, pháo binh, súng cối của địch; Vận động qua địa hình nhiều cây cối rậm rạp; Vận động qua địa hình trống trải hoặc không kín đáo; Vận động qua địa hình dễ phát ra tiếng động.

Luyện tập nhóm

Luân phiên ở cương vị tổ nhóm trưởng chỉ huy nhóm luyện tập, sửa tập theo các bước. Bước 1: Tập chậm

Luyện tập chậm cho đến nhanh dần hành động của chiến sĩ thực hiện động tác: Vận động dưới hoả lực bắn thẳng của địch; Vận động dưới hoả lực không quân, pháo binh, súng cối của địch; Vận động qua địa hình nhiều cây cối rậm rạp; Vận động qua địa hình trống trải hoặc không kín đáo; Vận động qua địa hình dễ phát ra tiếng động (quá trình luyện tập sửa tập cho nhau).

Bước 2: Tập tổng hợp

Luyện tập nhanh sát thực tế hành động của chến sĩ thực hiện động tác: Vận động dưới hoả lực bắn thẳng của địch; Vận động dưới hoả lực không quân, pháo binh, súng cối của địch; Vận động qua địa hình nhiều cây cối rậm rạp; Vận động qua địa hình trống trải hoặc không kín đáo; Vận động qua địa hình dễ phát ra tiếng động (quá trình luyện tập sửa tập cho nhau).

+ Địa điểm: Chỉ tại thực địa.

+ Kí, tín hiệu luyện tập: ...

– Triển khai, duy trì lớp luyện tập; đổi tập giữa các bộ phận theo dõi, sửa tập.

– Hết thời gian luyện tập; tập trung lớp dành thời gian khoảng 10 phút còn lại kiểm tra mỗi tổ 2 − 3 HS lên thực hiện nhanh động tác, nhận xét; triển khai công việc tiết học tiếp theo.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS biết vận dụng động tác: Vận động dưới hoả lực bắn thẳng của địch; Vận động dưới hoả lực không quân, pháo binh, súng cối của địch; Vận động qua địa hình nhiều cây cối rậm rạp; Vận động qua địa hình trống trải hoặc không kín đáo; Vận động qua địa hình dễ phát ra tiếng động trong học tập các nội dung tiếp theo và trong thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung

HS vận dụng động tác: Vận động dưới hoả lực bắn thẳng của địch; Vận động dưới hoả lực không quân, pháo binh, súng cối của địch; Vận động qua địa hình nhiều cây cối rậm rạp; Vận động qua địa hình trống trải hoặc không kín đáo; Vận động qua địa hình dễ phát ra tiếng động để không ngừng hoàn thiện kĩ thuật động tác.

c) Sản phẩm

HS vận dụng hiệu quả động tác: Vận động dưới hoả lực bắn thẳng của địch; Vận động dưới hoả lực không quân, pháo binh, súng cối của địch; Vận động qua địa hình nhiều cây cối rậm rạp; Vận động qua địa hình trống trải hoặc không kín đáo; Vận động qua địa hình dễ phát ra tiếng động trong quá trình học tập các nội dung chiến thuật tiếp theo.

d) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS vận dụng các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu trong học tập các nội dung khác và trong thực tiễn cuộc sống.

TÊN BÀI DẠY: CHẠY VŨ TRANG

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh; lớp: 12

Thời gian thực hiện: 04 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu được kĩ thuật mang, vác trang bị, kĩ thuật thở, vận động trong quá trình chạy vũ trang; thực hiện được động tác chạy vũ trang.

2. Về năng lực

Thực hiện được kĩ thuật mang, vác trang bị, kĩ thuật thở, vận động trong quá trình chạy vũ trang và động tác chạy vũ trang.

3. Về phẩm chất

Biết vận dụng được kĩ thuật chạy vũ trang trong thực hành kĩ, chiến thuật cá nhân và vận động trong chiến đấu.

Xây dựng ý thức, thái độ nghiêm túc trong học tập. Không ngại khó, ngại bẩn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

SGK và các tài liệu liên quan đến nội dung học tập. Súng tiểu liên AK (CKC), cờ tín hiệu, còi, dây cán đích. Bãi tập: Vị trí lên lớp và các vị trí cho HS luyện tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Trước khi giảng dạy, GV phải chọn vị trí phù hợp, có điều kiện để huấn luyện và luyện tập.

Xác định vị trí, tập hợp, kiểm tra sĩ số, vũ khí, trang bị, vật chất, trang phục, quy định để vật chất, khám súng chỉnh đốn hàng ngũ. Phổ biến các quy định về kỉ luật, vệ sinh; các kí hiệu, tín hiệu luyện tập. Nêu tên bài, mục tiêu bài học.

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

Tạo sự tò mò và kích thích HS tìm hiểu và nắm các nội dung ở bài học mới.

b) Nội dung

HS huy động kiến thức để trả lời các câu hỏi: *Em hãy quan sát hình 9.1 và cho biết chạy vũ trang có những điểm khác gì so với chạy thông thường.*

HS nêu được những điểm khác của chạy vũ trang so với chạy thông thường.

d) Tổ chức thực hiện

GV nêu câu hỏi và yêu cầu HS trả lời; nhận xét và định hướng HS vào bài học mới.

Hoạt động 2: Khám phá

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHẠY VŨ TRANG

1. Đặc điểm chạy vũ trang

a) Mục tiêu

Nắm được các đặc điểm của chạy vũ trang để HS làm tốt mọi công tác chuẩn bị cho các nội dung học phần thực hành chạy vũ trang.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: *Chạy vũ trang có những đặc điểm gì?*

c) Sản phẩm

Chạy vũ trang là một môn vận động nặng, tiêu hao nhiều năng lượng, động tác chạy hơi gò bó vì mang vác vũ khí, trang bị.

Chạy vũ trang có mang, vác vũ khí trang bị nên bước chạy ngắn hơn và tốc độ chạy chậm hơn so với chạy thông thường.

Chạy vũ trang có thể được tiến hành trong những điều kiện và địa hình khác nhau như chạy trên đường bằng, lên dốc, xuống dốc; chạy trong rừng, trên đường mấp mô, lầy lội; có thể có những khúc cua theo nhiều hướng,…

d) Tổ chức thực hiện

GV nêu câu hỏi: *Chạy vũ trang có những đặc điểm gì?*

GV quan sát, theo dõi HS chuẩn bị.

Hết thời gian chuẩn bị, GV gọi 1 − 2 HS trình bày. GV nhận xét, kết luận nội dung:

2. Cách mang trang bị, vũ khí

a) Mục tiêu

HS nắm được cách mang trang bị, vũ khí làm cơ sở học tập các nội dung tiếp theo.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: *Có mấy cách mang súng khi chạy vũ trang?*

c) Sản phẩm

Cách 1: Vác súng trên vai: Tay nắm lấy nòng súng (cách đầu ngắm 10 – 15 cm), đặt súng nằm trên vai.

Cách 2: Đeo súng (dưới nách): Khoác dây súng lên vai, súng nằm cân bằng dưới nách (cao hơn xương hông), mũi súng hướng về phía trước. Tay ở phía vai đeo súng co lên, bàn tay nắm nòng súng để súng chắc chắn trong khi chạy.

d) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS đọc thông tin.

GV cho HS chuẩn bị nội dung câu hỏi: *Có mấy cách mang súng khi chạy vũ trang?*

(GV có thể hỏi các câu hỏi khác phù hợp với nội dung học tập).

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1 − 2 HS trả lời. GV nhận xét ý kiến của HS.

GV kết luận: (Sử dụng một HS làm mẫu)

3. Kĩ thuật thở

a) Mục tiêu

HS nắm được kĩ thuật thở làm cơ sở học tập các nội dung tiếp theo.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: *Em hãy trình bày kĩ thuật thở trong khi chạy vũ trang.*

c) Sản phẩm

Thở trong chạy vũ trang hết sức quan trọng, vì vậy, người chạy phải chủ động ngay từ đầu. Nếu thở nông và không đúng nhịp dẫn tới hiện tượng mệt mỏi, thành tích sẽ bị kém trong khi chạy.

Trong khi chạy, hít vào bằng mũi thật nhanh, mạnh và sâu; khi thở ra bằng miệng thì chậm và từ từ. Khi muốn tăng tốc độ, cần phải tăng nhịp thở và phối hợp tốt kĩ thuật hít vào, thở ra.

Nhịp thở tuỳ thuộc vào từng người tập và tốc độ chạy. Thường chạy kết hợp với thở sâu theo nhịp 2/2 hoặc 3/3 (hít vào 2 nhịp bằng mũi, thở ra 2 nhịp bằng miệng hoặc hít vào 3 nhịp bằng mũi, thở ra 3 nhịp bằng miệng).

Khi chạy vũ trang, người chạy thường gặp hiện tượng cực điểm, đó là biểu hiện tức thở, tay cứng đờ tưởng như không thể tiếp tục chạy. Khi gặp hiện tượng này, người chạy cần có nghị lực để vượt qua, có thể giảm tốc độ, đồng thời tích cực thở sâu, cảm giác dễ chịu sẽ trở lại.

d) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS đọc thông tin.

GV cho HS chuẩn bị nội dung câu hỏi: *Em hãy trình bày kĩ thuật thở trong khi chạy vũ trang.*

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1 − 2 HS trả lời. GV nhận xét ý kiến của HS, GV kết luận:

II. KĨ THUẬT CHẠY VŨ TRANG

1. Các giai đoạn chạy vũ trang

* ***Giai đoạn xuất phát***

a) Mục tiêu

HS nắm được kĩ thuật xuất phát làm cơ sở luyện tập và thực hành chạy.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình trong SGK; theo dõi nắm động tác làm mẫu của GV.

HS thực hiện được kĩ thuật xuất phát *(ở cột yêu cầu cần đạt).*

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình trong SGK và theo dõi, nắm động tác làm mẫu của GV. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* – GV nêu tên kĩ thuật. – GV làm mẫu, giảng giải theo 3 bước (Có thể sử dụng người làm mẫu). + Bước 1: Làm nhanh. + Bước 2: Làm chậm, phân đoạn, phân tích kĩ thuật (GV nói tới đâu làm mẫu thực hiện tới đó). + Bước 3: Làm tổng hợp. – GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ đinh 1 – 2 HS thực hiện lại kĩ thuật xuất phát. – GV nhận xét, chuyển nội dung.	*Giai đoạn xuất phát* Khi có lệnh "Vào vị trí", người tập đến vạch xuất phát, chân thuận đứng sát vạch xuất phát, khớp gối hơi trùng, trọng lượng dồn đều vào hai chân, thân trên hơi ngả về trước, thở đều, tập trung nghe lệnh của GV (Hình 9.4). Khi có lệnh "Sẵn sàng", hai đầu gối chùng thấp hơn, trọng tâm thân người dồn vào chân trước, hai gót chân kiễng, mắt nhìn về phía trước (Hình 9.5). Khi có lệnh "Chạy", kết hợp sức bật của hai chân và toàn thân, nhanh chóng rời khỏi vạch xuất phát (Hình 9.6)

* ***Giai đoạn chạy sau xuất phát***

a) Mục tiêu

HS nắm được kĩ thuật chạy sau xuất phát làm cơ sở luyện tập và thực hành chạy.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình trong SGK; theo dõi nắm động tác làm mẫu của GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện được kĩ thuật chạy sau xuất phát *(ở cột yêu cầu cần đạt)*.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình trong SGK và theo dõi, nắm động tác làm mẫu của GV. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* – GV nêu tên kĩ thuật. – GV làm mẫu, giảng giải theo 2 bước (Có thể sử dụng người làm mẫu). + Bước 1: Làm nhanh. + Bước 2: Làm chậm, phân đoạn, phân tích kĩ thuật (GV nói tới đâu làm mẫu thực hiện tới đó). – GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ đinh 1 – 2 HS thực hiện lại kĩ thuật xuất phát. – GV nhận xét, chuyển nội dung.	*Giai đoạn chạy sau xuất phát* Những bước đầu tiên, thân người lao về trước với góc độ lớn (Hình 9.7a), sau đó giảm dần, đầu giữ thẳng, mắt nhìn về trước (Hình 9.7b) và chuyển sang chạy thoải mái ở giai đoạn chạy giữa quãng.

* ***Giai đoạn chạy giữa quãng***

a) Mục tiêu

HS nắm được kĩ thuật chạy giữa quãng làm cơ sở luyện tập và thực hành chạy.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình trong SGK; theo dõi nắm động tác làm mẫu của

GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện được kĩ thuật chạy giữa quãng *(ở cột yêu cầu cần đạt)*.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình trong SGK và theo dõi, nắm động tác làm mẫu của GV. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* – GV nêu tên kĩ thuật. – GV làm mẫu, giảng giải theo 2 bước (Có thể sử dụng người làm mẫu) + Bước 1: Làm nhanh. + Bước 2: Làm chậm, phân đoạn, phân tích kĩ thuật (GV nói tới đâu làm mẫu thực hiện tới đó). – GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ đinh 1 − 2 HS thực hiện lại kĩ thuật xuất phát. – GV nhận xét, chuyển nội dung.	Thực hiện chạy giữa quãng với độ dài và tần số bước chân tương đối đều. Khi đạp sau cần phối hợp hoạt động của các nhóm cơ đùi, cẳng chân, bàn chân để đảm bảo chân sau được duỗi thẳng hoàn toàn, đùi của chân lăng thoải mái đưa về trước và kết thúc cùng lúc đạp sau. Kết thúc đạp sau, chân đạp duỗi thẳng hoàn toàn, đùi của chân đạp song song với cẳng chân lăng, đồng thời chân lăng bắt đầu hạ xuống, cẳng chân hơi đưa về trước và chạm đất bằng mũi bàn chân, động tác đánh tay nhịp nhàng với bước chân, góc độ khuỷu tay khoảng 90°, các ngón tay nắm hờ (Hình 9.8)

**** Giai đoạn chạy về đích***

a) Mục tiêu

HS nắm được kĩ thuật chạy về đích làm cơ sở luyện tập và thực hành chạy.

b) Nội dung

HS đọc thông tin, quan sát hình trong SGK; theo dõi nắm động tác làm mẫu của GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện được kĩ thuật chạy về đích *(ở cột yêu cầu cần đạt)*.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình trong SGK và theo dõi, nắm động tác làm mẫu của GV. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* – GV nêu tên kĩ thuật – GV làm mẫu, giảng giải theo 2 bước (Có thể sử dụng người làm mẫu) + Bước 1: Làm nhanh.	Khi gần về đích, người tập phải phát huy hết tốc độ để chạm dây đích. Người tập đánh đích bằng ngực (Hình 9.9) hoặc bằng vai (Hình 9.10).

Hoạt động của GV và HS	**Yêu cầu cần đạt**

+ Bước 2: Làm chậm, phân đoạn, phân tích kĩ thuật (GV nói tới đâu làm mẫu thực hiện tới đó). – GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ đinh 1 − 2 HS thực hiện lại kĩ thuật xuất phát. – GV nhận xét, chuyển nội dung.	Khi qua đích, không dừng lại đột ngột mà phải chạy chậm dần rồi đi bộ, thả lỏng cơ thể để cơ thể dần trở về trạng thái bình thường.

2 Vận dụng kĩ thuật chạy vũ trang ở một số địa hình

a) Mục tiêu

HS vận dụng kĩ thuật chạy vũ trang ở một số địa hình.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK; theo dõi nắm động tác làm mẫu của GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện được kĩ thuật chạy vũ trang ở một số địa hình *(ở cột yêu cầu cần đạt)*.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình trong SGK và theo dõi, nắm động tác làm mẫu của GV. *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ* – GV nêu tên kĩ thuật. – GV làm mẫu, giảng giải theo 2 bước (Có thể sử dụng người làm mẫu). + Bước 1: Làm nhanh. + Bước 2: Làm chậm, phân đoạn, phân tích kĩ thuật (GV nói tới đâu làm mẫu thực hiện tới đó). – GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ đinh 1 − 2 HS thực hiện lại kĩ thuật xuất phát. – GV nhận xét, chuyển nội dung.	– Chạy lên dốc: Khi cách dốc 10 – 15 m, người chạy tăng dần tốc độ để lấy đà, thân người ngả về trước, tuỳ theo độ dốc của đường chạy mà ngả thân người nhiều hay ít, tiếp đất bằng nửa bàn chân trước, chạy bước ngắn, đầu gối nhấc cao hơn khi chạy ở địa hình bằng phẳng. – Chạy xuống dốc: Người hơi ngả ra sau, tuỳ theo độ dốc của đường chạy mà ngả thân người nhiều hay ít, tiếp đất bằng cả bàn chân, đầu gối nhấc thấp hơn khi chạy ở địa hình bằng phẳng, chạy bước dài với tốc độ vừa phải để bảo đảm an toàn. – Chạy qua các đoạn đường trơn: Người chạy phải luôn quan sát mặt đường, giảm tốc độ, thực hiện chạy bước ngắn, tiếp đất bằng cả bàn chân và tay đánh rộng để giữ thăng bằng. – Chạy trên cát hoặc đất xốp: Người chạy thực hiện chạy bước ngắn, thân ngả về phía trước, tiếp đất bằng nửa bàn chân trước.

3. Xử lí một số tình huống trong khi chạy vũ trang

a) Mục tiêu

HS xử lí một số tình huống trong khi chạy vũ trang.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: *Em hãy trình bày cách xử lí một số tình huống trong khi chạy vũ trang*.

c) Sản phẩm

Khi bị ngất: Đưa người chạy vào nơi thoáng mát, đồng thời nới lỏng quần áo để máu lưu thông. Hô hấp nhân tạo, xoa bóp tim ngoài lồng ngực giúp nạn nhân tỉnh lại. Nếu nạn nhân bị nặng, phải đến cơ sở y tế gần nhất để xử lí.

Sốc nhiệt: Đưa người chạy vào nơi thoáng mát, đồng thời nới lỏng quần áo để dễ thở. Sử dụng nước lạnh hoặc khăn ướt phủ lên toàn bộ cơ thể người bị sốc nhiệt. Có thể phun nước vào người, sử dụng quạt, dùng nước đá chườm lạnh. Cho uống nước ngay nếu còn tỉnh và không nôn nhiều. Đồng thời phải gọi ngay xe cấp cứu và chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.

Chuột rút: Người chạy cần nghỉ ngơi, cố gắng hít thở sâu và thả lỏng bắp thịt đang bị co rút. Dùng ngón tay cái ấn mạnh vào vùng cảm thấy đau nhất, cơn đau sẽ dịu đi ngay sau đó. Căng cơ: Người chạy cần nghỉ ngơi để chân được thư giãn, sau đó mới tiếp tục luyện tập.

Bong gân: Người chạy cần nghỉ ngơi dùng băng thun băng ép phần khớp bị chấn thương để cố định khớp, giảm đau và giảm sưng, sau đó chườm lạnh bằng đá hoặc nước mát làm dịu cơn đau.

d) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS đọc thông tin.

GV cho HS chuẩn bị nội dung câu hỏi: Em hãy trình bày cách xử lí một số tình huống trong khi chạy vũ trang.

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1 − 2 HS trả lời. GV nhận xét ý kiến của HS, GV kết luận.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu

HS luyện tập thành thạo cách mang đeo trang bị, kĩ thuật chạy vũ trang ở các giai đoạn.

b) Nội dung

HS thực hành luyện tập cách mang đeo trang bị và kĩ thuật chạy vũ trang theo ý định của GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện thành thạo cách mang đeo trang bị và kĩ thuật chạy vũ trang.

d) Tổ chức thực hiện

– GV tổ chức luyện tập cách mang đeo trang bị và kĩ thuật chạy vũ trang. Cách tổ chức luyện tập từng nội dung như sau:

– GV tổ chức cho lớp khởi động chung

+ Chạy tại chỗ

+ Bài tập phát triển chung: Động tác tay ngực: 4 lần × 8 nhịp; Động tác lườn: 4 lần × 8 nhịp; Động tác vặn mình: 4 lần × 8 nhịp; Động tác lưng bụng: 4 lần × 8 nhịp; Động tác chân: 4 lần × 8 nhịp; Động tác toàn thân: 4 lần × 8 nhịp.

+ Xoay các khớp: Khớp cổ, khớp vai, khớp khuỷu tay, khớp hông, khớp háng, khớp gối, khớp cổ chân cổ tay kết hợp.

+ Ép dẻo: Ép dọc: 4 lần × 8 nhịp; Ép ngang: 4 lần x 8 nhịp.

+ Khởi động chuyên môn.

Chạy bước nhỏ: Đặt bàn chân rồi lăng nhẹ đến mũi bàn chân nâng cao gót duỗi thẳng bàn chân, bàn chân sau cách bàn chân trước khoảng 1 bàn chân 10 — 15 cm.

Chạy nâng cao đùi: Chân phải nâng lên, đùi vuông góc với thân, chân trái làm trụ bằng mũi bàn chân, thay đổi liên tục theo nhịp đếm hoặc tiếng vỗ tay tăng tần số bước chạy.

Ngoài ra, GV có thể thiết kế các hoạt động khởi động khác phù hợp với thực tế, ví dụ như cho HS thực hiện các trò chơi trước khi lên lớp các bài chạy như ở môn giáo dục thể chất.

– GV phổ biến ý định luyện tập.

+ Nội dung: Kĩ thuật xuất phát kết hợp kĩ thuật chạy tăng tốc độ sau xuất phát cự li 20 − 30 m; Kĩ thuật chạy giữa quãng và chạy về đích.

+ Thời gian: … phút.

+ Tổ chức và phương pháp: Tổ chức: Theo đội hình tổ. Phương pháp:

Luyện tập cá nhân: Từng HS tự nghiên cứu nắm lại cách mang đeo trang bị, kĩ thuật xuất phát, kĩ thuật chạy sau xuất phát, kĩ thuật chạy giữa quãng và về đích.

Luyện tập theo đội hình lớp: Bước 1. Tập phân đoạn: Kĩ thuật xuất phát, kĩ thuật chạy sau xuất phát, kĩ thuật chạy giữa quãng và về đích (cự li 60 − 80 m). Từng tổ vào thực hiện 1 – 2 lần; Bước 2. Tập tổng hợp: Tập toàn bài: Sau khi thực hiện tốt các kĩ thuật đơn lẻ, chuyển sang tập liên kết toàn bài, thứ tự từ liên kết chậm đến liên hoàn toàn bộ kĩ thuật với tốc độ cao nhất (mỗi đợt tập 15 – 20 HS).

+ Địa điểm: Chỉ tại thực địa.

+ Kí, tín hiệu luyện tập (Do GV thống nhất).

– Triển khai, duy trì HS luyện tập.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

Biết cách vận dụng kĩ thuật chạy vũ trang trong thực hành kĩ, chiến thuật cá nhân vận động trong chiến đấu và các hoạt động thể thao nâng cao sức khoẻ.

b) Nội dung

Tham gia các giải chạy phong trào do địa phương, nhà trường, các cơ quan đơn vị trên địa bàn tổ chức,...

Cách tự sơ cứu khi gặp chấn thương như: Khi bị căng cơ, chuột rút, cần nghỉ ngơi, cố gắng hít thở sâu và thả lỏng bắp thịt đang bị co rút. Dùng ngón tay cái ấn mạnh vào vùng cảm thấy đau nhất, cơn đau sẽ dịu đi ngay sau đó.

c) Sản phẩm

HS nghe và thực hiện theo hướng dẫn của GV.

d) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS vận dụng kiến thức đã học để tham gia các giải chạy phong trào do địa phương, nhà trường, các cơ quan đơn vị trên địa bàn tổ chức,... và tự xử lí các tình huống bị trấn thương khi luyện tập thể thao.